

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC MẦM NON THÍ ĐIỂM TỪ NĂM HỌC 2026 - 2027

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 388/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 02 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Thanh

LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung cấp quốc gia, quy định những nội dung cốt lõi áp dụng thống nhất đối với trẻ em trong độ tuổi mầm non trên toàn quốc. Chương trình cung cấp định hướng chung cho công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em trong gia đình, cơ sở giáo dục mầm non và cộng đồng. Chương trình thể hiện cam kết của Chính phủ trong việc bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục mầm non một cách công bằng cho mọi trẻ em tại Việt Nam, tạo nền tảng khởi đầu vững chắc cho sự phát triển của trẻ trong bối cảnh thế giới đang thay đổi nhanh chóng.

Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở các bằng chứng khoa học về vai trò then chốt của giáo dục sớm đối với sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân và chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Nội dung chương trình được thiết kế dựa trên đặc điểm phát triển của trẻ dưới sáu tuổi, cách thức học tập tự nhiên của trẻ và các yếu tố môi trường giáo dục hiệu quả đối với lứa tuổi mầm non.

Chương trình được xây dựng theo tiếp cận phát triển năng lực dựa trên nền tảng tình cảm – xã hội, hướng tới hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực thiết yếu của trẻ, bao gồm bốn phẩm chất cốt lõi: yêu thương, tôn trọng, trung thực và trách nhiệm; và năm năng lực nền tảng: giao tiếp, hợp tác, thích ứng, tự lực và giải quyết vấn đề. Các phẩm chất và năng lực này được tích hợp xuyên suốt trong toàn bộ quá trình giáo dục, từ mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình, phương pháp tổ chức hoạt động, môi trường giáo dục đến việc đánh giá sự phát triển của trẻ và các trải nghiệm hằng ngày.

Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng phù hợp với định hướng đổi mới của giáo dục Việt Nam, hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ trên nền tảng quyền trẻ em. Thông qua việc nuôi dưỡng các phẩm chất và năng lực nền tảng phù hợp với từng giai đoạn phát triển, chương trình tạo nền móng vững chắc cho hành trình học tập suốt đời của trẻ, đồng thời bảo đảm sự liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và góp phần hình thành hệ giá trị cốt lõi của con người Việt Nam. Với cách tiếp cận mở và toàn diện, chương trình cũng thúc đẩy sự đồng hành của gia đình và cộng đồng như những đối tác quan trọng trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Thông qua việc triển khai chương trình, giáo dục mầm non góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn mới, phát huy tối đa tiềm năng và khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Qua đó, hình thành thế hệ công dân có phẩm chất tốt đẹp, giàu khát vọng, có trí tuệ và trách nhiệm xã hội, sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MỤC LỤC

PHẦN MỘT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.....	5
A. QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC.....	5
B. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC.....	5
C. MỤC TIÊU.....	5
D. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.....	7
1. Yêu cầu về nội dung giáo dục.....	7
2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục.....	8
PHẦN HAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ.....	9
A. MỤC TIÊU.....	9
B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	9
1. Thể chất.....	9
2. Tình cảm – xã hội.....	12
3. Ngôn ngữ.....	13
4. Nhận thức.....	15
5. Nghệ thuật.....	16
C. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.....	17
1. Nội dung giáo dục.....	17
1.1. Thể chất.....	17
1.2. Tình cảm - xã hội.....	18
1.3. Ngôn ngữ.....	18

1.4. Nhận thức	19
1.5. Nghệ thuật	20
2. Phương pháp giáo dục	20
3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục	21
D. MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC	22
1. Môi trường vật chất	22
2. Môi trường tâm lý – xã hội.....	23
E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM NHÀ TRẺ.....	23
1. Đánh giá quá trình	24
2. Đánh giá định kì	25
3. Sử dụng kết quả đánh giá	26
G. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.....	26
1. Phân phối thời gian	26
2. Chế độ sinh hoạt của trẻ trong ngày.....	26
2.1. Nuôi dưỡng.....	27
2.2. Chăm sóc.....	30
2.3. Bảo đảm an toàn.....	31
2.4. Hoạt động giáo dục	31
PHẦN BA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO	33
A. MỤC TIÊU.....	33
B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	34

1. Thể chất	34
2. Tình cảm – xã hội	36
3. Ngôn ngữ	39
4. Nhận thức	40
5. Nghệ thuật	42
C. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	45
1. Nội dung giáo dục	45
<i>1.1. Thể chất</i>	45
<i>1.2. Tình cảm – xã hội</i>	45
<i>1.3. Ngôn ngữ</i>	46
<i>1.4. Nhận thức</i>	47
<i>1.5. Nghệ thuật</i>	48
2. Phương pháp giáo dục	49
3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục	49
D. MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC	50
1. Môi trường vật chất	50
2. Môi trường tâm lý – xã hội	52
E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM MẪU GIÁO	52
1. Đánh giá quá trình	52
2. Đánh giá định kì	53
3. Sử dụng kết quả đánh giá	54

G. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	54
1. Phân phối thời gian	54
2. Chế độ sinh hoạt của trẻ trong ngày.....	55
2.1. Nuôi dưỡng	55
2.2. Chăm sóc.....	56
2.3. Bảo đảm an toàn.....	57
2.4. Hoạt động giáo dục	57
PHẦN BỐN ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	59
I. CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN	59
II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC	59
III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	60
IV. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON	60
PHẦN NĂM HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	61
I. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH	61
II. TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT TRONG NGÀY CHO TRẺ	61
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁO DỤC HOÀ NHẬP	63
IV. TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ	63
V. TỔ CHỨC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	64
VI. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG	64
VII. PHỐI HỢP GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	64

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

A. QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC

Trẻ em mầm non có quyền được bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục để phát triển toàn diện, chuẩn bị sẵn sàng cho việc học ở lớp một cũng như hành trình học tập suốt đời. Những thành tựu đạt được trong giai đoạn đầu đời của trẻ tạo nền tảng quan trọng cho sự thành công trong học tập và cuộc sống tương lai. Mỗi trẻ đều mang trong mình sự tò mò tự nhiên và tiềm năng học hỏi vô hạn; vì vậy, giáo dục cần lấy trẻ làm trung tâm, tạo ra những trải nghiệm học tập phù hợp với độ tuổi, bối cảnh sống và nhu cầu cá nhân, giúp trẻ phát triển theo cách tốt nhất của riêng mình.

B. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC

1. Trẻ em là trung tâm của hoạt động học tập và giao tiếp; trẻ học thông qua chơi, trải nghiệm và tương tác với người khác cũng như thế giới xung quanh. Giáo viên đóng vai trò hỗ trợ và đồng hành, tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, giàu cảm xúc và ý nghĩa để trẻ phát triển liên tục.

2. Giáo dục được tổ chức theo hướng tích hợp và hòa nhập, gắn kết với thiên nhiên, tôn trọng sự đa dạng về giới và văn hóa; đồng thời phù hợp với đặc điểm phát triển theo lứa tuổi và đáp ứng nhu cầu, khả năng, thiên hướng của từng trẻ.

3. Gia đình, nhà trường và cộng đồng cùng chia sẻ trách nhiệm trong bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; xây dựng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích tốt nhất của trẻ.

C. MỤC TIÊU

Chương trình hỗ trợ trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng cá nhân, đồng thời hình thành những nền tảng ban đầu của nhân cách. Qua đó, trẻ được chuẩn bị sẵn sàng vào lớp một, tạo tiền đề cho sự thành công ở các bậc học tiếp theo và hành trình học tập suốt đời.

Giáo dục mầm non hướng tới việc nuôi dưỡng các phẩm chất cốt lõi như yêu thương, tôn trọng, trung thực và trách nhiệm; đồng thời phát triển các năng lực nền tảng gồm giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự lực và thích ứng, cùng các năng lực đặc thù phù hợp với đặc điểm phát triển của lứa tuổi. Những yếu tố này góp phần hình thành nền tảng ban đầu của hệ giá trị cốt lõi con người Việt Nam.

Các phẩm chất cốt lõi:

– *Yêu thương*: Giúp trẻ em quan tâm, gần gũi, hiểu nhu cầu và đồng cảm với người khác. Trẻ em thể hiện sự tử tế, sẵn sàng giúp đỡ, chăm sóc những người xung quanh, môi trường sống gần gũi.

– *Tôn trọng*: Giúp trẻ em nhận ra giá trị của bản thân và người khác; không phân biệt đối xử, chấp nhận sự đa dạng văn hoá và nguồn gốc, hoàn cảnh sống. Trẻ em biết tôn trọng thể hiện hành vi ứng xử văn hoá đối với người khác; lắng nghe quan điểm của người khác, nhận ra và trân trọng sự hỗ trợ của người khác.

– *Trung thực*: Giúp trẻ em biết trung thực là điều đúng đắn cần làm. Trẻ em trung thực sẽ nói đúng sự thật những gì thực sự diễn ra; dũng cảm chấp nhận hậu quả từ hành động của mình và sẵn sàng rút kinh nghiệm từ những sai lầm.

– *Trách nhiệm*: Giúp trẻ em trở nên đáng tin cậy. Trẻ em giữ lời hứa và chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của mình. Trẻ có trách nhiệm sẽ tự hào về những gì mình làm; không bào chữa hoặc đổ lỗi cho người khác khi sự việc diễn ra không như mong đợi.

Các năng lực nền tảng:

– *Giao tiếp*: Tham gia, chia sẻ và học điều mới qua các mối quan hệ, qua tương tác với bạn bè và người khác; biết kết nối xã hội và tạo ra thông điệp có ý nghĩa dưới dạng lời nói kết hợp với biểu tượng từ âm nhạc, nghệ thuật tạo hình, trò chơi, chữ và số; biết vận dụng hiểu biết và chuyển tải chúng vào trong giao tiếp, vui chơi, trải nghiệm đa dạng với bạn bè và người khác.

– *Hợp tác*: Biết phối hợp cùng nhóm bạn bè trong các trò chơi và các trải nghiệm đa dạng, kết nối hành động với người khác; biết cách tự điều chỉnh bản thân và có đóng góp, gây ảnh hưởng đến người xung quanh để chơi vui hơn và thực hiện được yêu cầu trong các nhóm hoạt động.

– *Giải quyết vấn đề*: Hứng thú tham gia vào các trò chơi, hoạt động cùng với nhóm bạn; kiên trì thử nghiệm cách thức khác nhau để giải quyết vấn đề và xem xét kết quả đạt được, lý do của các sai lầm hay thất bại.

– *Tự lực*: Tự thực hiện một số công việc cá nhân theo nền nếp sinh hoạt, nhận biết và bộc lộ ý kiến/ nhu cầu của bản thân; lựa chọn và tự tin thực hiện hành động. Điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ, hành động của bản thân phù hợp với yêu cầu mới và sự thay đổi của bối cảnh dựa trên mối quan hệ tôn trọng, tin cậy với bạn bè và với người khác.

– *Thích ứng*: Thoải mái, tự tin hoà nhập với môi trường ở lớp, trường, tự lực thực hiện nội quy trường lớp; hạnh phúc với bản thân và mối quan hệ với gia đình, bạn bè, thầy cô.

Các phẩm chất và năng lực này được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ quá trình giáo dục, từ mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ, kế hoạch thực hiện và tích hợp vào các trải nghiệm hằng ngày của trẻ.

D. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

1. Yêu cầu về nội dung giáo dục

1.1. Bảo đảm tính khoa học, cân bằng giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em.

1.2. Phù hợp với đặc điểm phát triển theo độ tuổi, bảo đảm tính liên thông giữa các giai đoạn nhà trẻ và mẫu giáo, tính kết nối giữa giáo dục mầm non với giáo dục tiểu học.

1.3. Hướng tới sự phát triển toàn diện, tôn trọng sự đa dạng cá nhân và thúc đẩy mối quan hệ hài hòa giữa con người, thiên nhiên và văn hóa.

1.4. Gắn giáo dục với trải nghiệm sống của trẻ, tạo cơ hội hình thành và phát triển các kỹ năng sống cơ bản phù hợp với lứa tuổi.

2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục

2.1. Tổ chức giáo dục theo hướng tích hợp và hòa nhập, phát huy vai trò chủ thể của trẻ trong hoạt động và giao tiếp. Bảo đảm hỗ trợ cá nhân phù hợp khi trẻ chuyển tiếp từ gia đình đến cơ sở mầm non; đối với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, áp dụng linh hoạt các hình thức hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm nhỏ.

2.2. Giáo dục nhà trẻ thực hiện phương pháp giáo dục bằng tình cảm, giáo dục đa giác quan và chăm sóc, giáo dục đáp ứng, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn, đáp ứng kịp thời nhu cầu đang phát triển của từng trẻ. Môi trường được thiết kế để khuyến khích giao lưu cảm xúc trực tiếp, hoạt động với đồ vật và vui chơi, qua đó thúc đẩy sự phát triển các giác quan và chức năng tâm lý, sinh lý.

2.3. Giáo dục mẫu giáo chú trọng phương pháp học qua chơi và trải nghiệm, phù hợp với bối cảnh và đặc điểm của trẻ, tạo cơ hội để trẻ chủ động tìm tòi, khám phá, thử nghiệm các sáng kiến trong hoạt động và giao tiếp; kết hợp linh hoạt giữa tổ chức theo nhóm cùng độ tuổi, nhóm ghép độ tuổi và giáo dục cá nhân, bảo đảm phù hợp với đặc điểm trẻ và điều kiện thực tiễn.

3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ em

3.1. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt của từng lĩnh vực để xác định mức độ phát triển của trẻ, làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp. Tăng cường phối hợp với cha mẹ trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; đồng thời chủ động kết nối sớm với các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ có nguy cơ chậm phát triển.

3.2. Sử dụng đa dạng phương pháp và hình thức đánh giá nhằm đưa ra nhận định toàn diện, chính xác về sự phát triển của trẻ; bảo đảm tính khách quan, không xếp loại, không so sánh giữa các trẻ và tôn trọng sự khác biệt cá nhân.

PHẦN HAI

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU

Trẻ em từ 3 đến 36 tháng tuổi được phát triển toàn diện, hài hoà về thể chất, tình cảm, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ; được khơi dậy tiềm năng, sẵn sàng vào mẫu giáo và học tập trong giai đoạn tiếp theo.

1. Trẻ phát triển tốt về thể chất và tinh thần; thực hiện kỹ năng vận động phù hợp với lứa tuổi trong các hoạt động hằng ngày; có kỹ năng chăm sóc cá nhân cơ bản; thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

2. Ý thức về bản thân; yêu quý và gắn bó với người thân trong gia đình, mạnh dạn giao tiếp với những người xung quanh; cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước sự vật, hiện tượng gần gũi. Có hành vi văn hoá đơn giản trong giao tiếp.

3. Trẻ nghe hiểu và diễn đạt được nhu cầu của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ.

4. Tò mò, thích tìm hiểu thế giới xung quanh; có khả năng quan sát, nhận biết và tương tác với sự vật, hiện tượng gần gũi thông qua các trải nghiệm hằng ngày.

5. Hứng thú với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật; thích tham gia vào hoạt động nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi.

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Thể chất

Giáo dục thể chất hướng tới hình thành cho trẻ các năng lực gồm: tham gia tích cực vào hoạt động thể chất, thích ứng được với sự thay đổi của môi trường và hoạt động thể chất; thực hiện được các kỹ năng vận động; thực hành dinh dưỡng; chăm sóc sức khoẻ, vệ sinh và bảo đảm an toàn. Những năng lực thuộc lĩnh vực thể chất góp phần giúp trẻ hướng đến, đạt được và duy trì lối sống lành mạnh, năng động.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	<i>TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất</i>	TC 1.1. Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.
		TC 1.2. Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ.
	<i>TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt</i>	TC 2.1. Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi thay đổi môi trường.
		TC 2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.
2. Thực hiện các kỹ năng vận động	<i>TC3. Thực hiện các vận động thô</i>	TC 3.1. Tự thực hiện được các vận động di chuyển với những yêu cầu khác nhau, bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát vận động, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động di chuyển: đi, chạy thay đổi hướng, tốc độ, địa hình; bò; đi lên, xuống cầu thang có bám vịn; bật tiến về phía trước bằng cả 2 chân.
		TC 3.2. Thực hiện được vận động với dụng cụ, thiết bị, vận động với giáo viên, bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát và phối hợp vận động: di chuyển có mang theo vật; ném xa bằng 1 tay; ném trúng đích ngang tối thiểu 1,2m; tung, bắt bóng với giáo viên khoảng cách tối thiểu 1,2m; đá trúng vào quả bóng đứng yên; trèo lên, xuống mô hình vận động có người lớn hỗ trợ; bò qua các chướng ngại vật.
		TC 3.3. Thực hiện được vận động tại chỗ, bước đầu thể hiện khả năng giữ thăng bằng tĩnh: Ngồi xổm thoải mái và đứng lên không cần hỗ trợ, giữ thăng bằng trên 1 chân; bật nhảy tại chỗ.
		TC 3.4. Thực hiện được các vận động thô phù hợp trong một số hoạt động sinh hoạt hằng ngày.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
	TC4. Thực hiện các vận động tinh	TC 4.1. Thao tác với đồ vật, vật liệu bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát, điều chỉnh vận động cơ nhỏ bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt: sử dụng dụng cụ quen thuộc; vẽ các đường xoáy tròn, nét xoắn thẳng, nét xiên; xếp chồng được tối thiểu 5 khối trụ; tháo lắp, xếp lồng; nhào nặn; xâu; lật giở trang sách.
		TC 4.2. Sử dụng được vận động tinh phù hợp trong một số hoạt động sinh hoạt hằng ngày.
3. Thực hành dinh dưỡng	TC5. Biết và thực hiện ăn uống hợp lý	TC 5.1. Thể hiện một số nhận biết về dinh dưỡng: nói được tên một số thực phẩm, món ăn thông thường và một số thực phẩm không nên ăn.
		TC 5.2. Thực hành hành vi tốt trong ăn uống hằng ngày: ăn được đa dạng các loại thực phẩm, món ăn; tự xúc ăn và ăn hết khẩu phần.
4. Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và an toàn	TC6. Biết chăm sóc sức khỏe và thực hành vệ sinh	TC 6.1. Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ngủ đúng giờ, đi vệ sinh đúng nơi quy định, giữ vệ sinh cơ thể.
		TC 6.2. Thực hiện được một số hành vi vệ sinh cá nhân: đi vệ sinh đúng cách; che miệng khi ho, hắt hơi; súc miệng; lau mặt, mũi, rửa tay với sự giúp đỡ của người lớn.
		TC 6.3. Sử dụng được một số đồ dùng, dụng cụ vệ sinh phù hợp với sự hỗ trợ của người lớn.
		TC 6.4. Nhận biết và nói cho người lớn biết một số dấu hiệu đơn giản khi bị thương, bị đau hoặc cảm thấy khó chịu; chấp nhận mặc trang phục phù hợp thời tiết.
		TC 6.5. Thực hiện được một số hành vi vệ sinh môi trường.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
	TC7. Biết và có kỹ năng bảo đảm an toàn	TC 7.1. Nhận biết một số dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm.
		TC 7.2. Tránh một số đồ vật, địa điểm nguy hiểm, không thực hiện những hành động gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.

2. Tình cảm – xã hội

Giáo dục tình cảm – xã hội hướng vào phát triển ở trẻ năng lực nhận biết và quản lý bản thân, điều chỉnh cảm xúc, hành vi, nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân và người khác, nhận biết các mối quan hệ xã hội, thiết lập và duy trì các mối quan hệ phù hợp; tôn trọng, hợp tác, đồng thời thể hiện hành vi ứng xử xã hội phù hợp với con người và môi trường sống xung quanh.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
1. Nhận biết và quản lý bản thân	TX1. Nhận biết về bản thân	TX 1.1. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi.
		TX 1.2. Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.
		TX 1.3. Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói.
	TX2. Quản lý bản thân	TX 2.1. Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân.
		TX 2.2. Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói.
		TX 2.3. Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở.
2. Nhận biết các mối quan hệ xã hội	TX3. Nhận biết về các mối quan hệ xã hội	TX 3.1. Nhận biết vị trí của bản thân là con/cháu/em... trong gia đình, nhóm, lớp.
		TX 3.2. Nhận biết một vài thông tin về bản thân.
		TX 3.3. Nhận biết và gọi tên người thân, cô giáo/thầy giáo, bạn bè.
	TX4. Thiết lập và duy trì mối quan hệ xã hội	TX 4.1. Làm quen với người khác bằng cử chỉ, hành động, lời nói đơn giản.
		TX 4.2. Sử dụng cử chỉ, lời nói đơn giản để thể hiện nhu cầu, mong muốn và cảm xúc với người thân, cô giáo/thầy giáo và bạn bè.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
		TX 4.3. Giúp đỡ bạn khi có sự hướng dẫn của người lớn.
	<i>TX5. Thể hiện và chia sẻ cảm xúc với người khác</i>	TX 5.1. Nhận ra và gọi tên một số cảm xúc của người khác.
		TX 5.2. Thể hiện tình cảm yêu quý, gắn bó với người thân, cô giáo/thầy giáo và bạn bè qua hành động, lời nói.
		TX 5.3. Không làm đau người thân, cô giáo và bạn bè: đánh, cắn, xô đẩy...
3. Trách nhiệm với con người và môi trường sống xung quanh	<i>TX6. Tôn trọng và hợp tác với người khác</i>	TX 6.1. Biết chơi cạnh bạn, không tranh giành với bạn.
		TX 6.2. Thể hiện lời nói/cử chỉ/hành động để yêu cầu người khác giúp đỡ.
	<i>TX7. Ứng xử phù hợp với hoàn cảnh</i>	TX 7.1. Thể hiện sự lễ phép trong giao tiếp với người thân, cô giáo/thầy giáo.
		TX 7.2. Thực hiện một số quy định đơn giản trong gia đình và nhóm lớp.
		TX 7.3. Biết cất dọn đồ chơi, đồ dùng cá nhân sau khi chơi sử dụng với sự hướng dẫn của người lớn.
	<i>TX8. Ứng xử thân thiện với môi trường</i>	TX 8.1. Thực hiện một số cử chỉ, hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây trồng, khi được hướng dẫn.
		TX 8.2. Thực hiện một số hành vi quan tâm, bảo vệ môi trường xung quanh.

3. Ngôn ngữ

Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ hướng tới hình thành ở trẻ năng lực nghe hiểu, sử dụng ngôn ngữ, sẵn sàng học đọc, sẵn sàng học viết. Những năng lực thuộc lĩnh vực góp phần giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và giao tiếp phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ, bước đầu chuẩn bị cho học đọc, học viết ở giai đoạn tiếp theo.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
1. Nghe hiểu	<i>NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói</i>	NN 1.1. Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói.
		NN 1.2. Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.
2. Sử dụng ngôn ngữ	<i>NN2. Diễn đạt bằng lời nói</i>	NN 2.1. Phát âm rõ các tiếng quen thuộc.
		NN 2.2. Sử dụng được câu đơn với các từ ngữ quen thuộc để diễn đạt ý muốn của bản thân.
		NN 2.3. Đặt được câu hỏi đơn giản.
		NN 2.4. Kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt để thể hiện ý kiến hoặc cảm xúc.
		NN 2.5. Sử dụng được các từ chỉ sự lễ phép đơn giản như chào, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt phù hợp với tình huống giao tiếp và văn hoá.
	<i>NN3. Thể hiện ngôn ngữ sáng tạo</i>	NN 3.1. Diễn đạt được bằng lời nói các hành động của nhân vật trong tranh truyện theo cách của trẻ.
		NN 3.2. Kể chuyện, đọc thơ, hát... có nhịp điệu, diễn cảm theo cách của trẻ.
3. Sẵn sàng học đọc	<i>NN4. Hứng thú với sách và ấn phẩm</i>	NN 4.1. Chủ động cầm, mở, lật sách, ấn phẩm trong môi trường chơi – học.
		NN 4.2. Vui thích khi được nghe đọc sách.
	<i>NN5. Thể hiện kỹ năng ban đầu về đọc</i>	NN 5.1. Chỉ được phần hình ảnh và chữ viết trong sách tranh.
4. Sẵn sàng học viết	<i>NN6. Hứng thú với vẽ, viết</i>	NN 6.1. Chủ động cầm và sử dụng bút hoặc sáp màu để tạo nét vẽ trên giấy hoặc bảng.
	<i>NN7. Thể hiện kỹ năng ban đầu về viết</i>	NN 7.1 Tạo được nét vẽ nguệch ngoạc.

4. Nhận thức

Giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ nhà trẻ tập trung khơi gợi hứng thú, tò mò khám phá thế giới xung quanh; hình thành ở trẻ hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng, con người gần gũi; phát triển các quá trình nhận thức, khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đơn giản vào cuộc sống phù hợp với độ tuổi.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	<i>NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh</i>	NT 1.1. Thích thú với những điều mới: chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng.
		NT 1.2. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh.
	<i>NT2. Thể hiện sự chủ động tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh</i>	NT 2.1. Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật, hiện tượng gần gũi theo gợi ý hoặc bắt chước người khác.
		NT 2.2. Thử các cách khác nhau để khám phá thế giới đồ vật.
2. Hiểu biết và kỹ năng nhận thức về thế giới xung quanh	<i>NT3. Hiểu biết ban đầu về thế giới xung quanh</i>	NT 3.1. Gọi tên và mô tả đặc điểm nổi bật của con người, sự vật, hiện tượng gần gũi.
		NT 3.2. Nhận biết số lượng và kích thước của một số đồ vật.
		NT 3.3. Nhận biết và gọi tên một số hình phẳng cơ bản.
		NT 3.4. Nói được công dụng của một số đồ vật quen thuộc.
		NT 3.5. Nhận biết sự thay đổi bên ngoài của con người, sự vật, hiện tượng gần gũi.
	<i>NT4: Kỹ năng nhận thức về thế giới xung quanh</i>	NT 4.1. Phân biệt được hai đối tượng.
		NT 4.2. Phân loại sự vật dựa trên một đặc điểm chung.
NT 4.3. Xác định vị trí của vật so với bản thân.		

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
3. Vận dụng hiểu biết và kỹ năng nhận thức vào cuộc sống	<i>NT5. Giải quyết một số vấn đề đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày</i>	NT 5.1. Thể hiện hành động đơn giản phù hợp với tình huống trong sinh hoạt hằng ngày.
		NT 5.2. Thử và điều chỉnh hành động để giải quyết vấn đề đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.
	<i>NT6. Thực hiện hành động phù hợp với con người, sự vật và môi trường gần gũi</i>	NT 6.1. Thực hiện các hành động đơn giản dựa trên hiểu biết về con người, đồ vật và môi trường xung quanh trong các tình huống quen thuộc.
		NT 6.2. Thực hiện hành động an toàn, bảo vệ bản thân, sự vật và môi trường gần gũi xung quanh.

5. Nghệ thuật

Giáo dục nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ hướng đến mục tiêu trọng tâm là nuôi dưỡng ở trẻ sự hứng thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật; khuyến khích trẻ tham gia vào các hoạt động nghệ thuật phù hợp với độ tuổi; từng bước hình thành năng lực cảm thụ và khả năng thể hiện nghệ thuật, giúp trẻ sử dụng nghệ thuật như một phương tiện để bày tỏ cảm xúc, hiểu biết và sự sáng tạo riêng của bản thân.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
1. Cảm thụ nghệ thuật	<i>NgT1. Cảm thụ vẻ đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật</i>	NgT 1.1. Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/ không thích, dễ chịu/ khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.
2. Thể hiện hiểu biết, kỹ năng hoạt	<i>NgT2. Hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và vận động theo nhạc.</i>	NgT 2.1. Lắng nghe và thể hiện được cảm nhận của bản thân với bài hát, bản nhạc.
		NgT 2.2. Hát theo giai điệu/bài hát ngắn, phù hợp lứa tuổi.
		NgT 2.3. Vận động đơn giản, lặp đi lặp lại theo bài hát, bản nhạc (vỗ tay, giậm chân, vỗ tay, nhún nhảy theo nhịp điệu âm nhạc...).

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
động thuật nghệ		NgT 2.4. Tạo ra âm thanh bằng cách chơi với các đồ dùng, dụng cụ âm nhạc.
		NgT 2.5. Thể hiện sự hứng thú khi tham gia biểu diễn âm nhạc với người lớn.
	<i>NgT3. Hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động tạo hình</i>	NgT 3.1. Làm quen và sử dụng một số phương tiện, nguyên vật liệu tạo hình đơn giản.
		NgT 3.2. Thực hiện một số thao tác tạo hình cơ bản (di màu, vẽ nguệch ngoạc, vò, nặn, in, xé, dán, lắp ghép) để tạo ra sản phẩm đơn giản và thích thú với quá trình đó.
		NgT 3.3. Nói về sản phẩm tạo hình do trẻ tạo ra theo cảm nhận của bản thân.
	<i>NgT 4. Hiểu biết, kỹ năng ban đầu trong hoạt động kịch</i>	NgT 4.1. Thể hiện hình ảnh của người thân (lời nói, cử chỉ, hành động, trang phục...)
		NgT 4.2. Thể hiện lại một vài lời nói, cử chỉ, hành động đơn giản của nhân vật trong câu chuyện, phim hoặc vở kịch mà trẻ yêu thích.

C. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Nội dung giáo dục

1.1. Thể chất

Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ nhà trẻ được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt trong lĩnh vực giáo dục thể chất và khả năng của trẻ. Đa dạng các nội dung gắn với hoạt động hằng ngày giúp trẻ đạt được các năng lực thể chất phù hợp với lứa tuổi, thông qua việc trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ và cảm xúc tích cực trong hoạt động thể chất. Tập trung vào các nội dung:

– Các vận động thô và vận động tinh: Các vận động di chuyển, vận động tại chỗ, giữ thăng bằng, vận động có sử dụng dụng cụ/đồ vật; Vận động các cơ nhỏ bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong thực hiện vận động.

– Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và an toàn: Các hành vi thực hành chăm sóc sức khỏe, thực hành vệ sinh; cảm nhận về sức khỏe cơ thể; dấu hiệu nhận biết một số vật dụng, địa điểm, hành động, tình huống nguy hiểm và cách phòng tránh.

– Dinh dưỡng hợp lý: Một số thực phẩm, món ăn thông thường, thực hành hành vi ăn uống hợp lý.

1.2. Tình cảm - xã hội

Giáo dục tình cảm - xã hội cho trẻ nhà trẻ tập trung vào việc hình thành ba năng lực chính: (1) Nhận thức và quản lý bản thân, (2) Nhận thức và quan hệ xã hội, và (3) Có trách nhiệm với con người và môi trường xung quanh.

– Nhận thức và quản lý bản thân: Nhận biết và gọi tên các cảm xúc cơ bản của bản thân, nhận diện hình ảnh và các đặc điểm cơ thể của bản thân; học cách thể hiện cảm xúc, nhu cầu, sở thích, mong muốn của bản thân thông qua cử chỉ, hành động hoặc lời nói đơn giản; cách thực hiện các yêu cầu cơ bản từ người lớn, kỹ năng tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày với sự hỗ trợ của người lớn.

– Nhận thức và quan hệ xã hội: Nhận biết cảm xúc của người khác như vui, buồn, giận... Học để nhận ra vị trí là con, cháu, em trong gia đình và các thành viên trong gia đình. Bước đầu khám phá về các mối quan hệ trong gia đình, lớp học. Trẻ được tham gia vào các hoạt động lễ hội, sự kiện của gia đình, nhà trường, đồng thời thực hiện các hành vi giao tiếp cơ bản như chào hỏi, lắng nghe, bắt chuyện, chia sẻ đồ chơi. Thực hiện các hoạt động vui chơi, học đơn giản ở lớp, ở trường cùng thầy/cô giáo và các bạn, thể hiện tình cảm yêu thương, sự quan tâm và đồng cảm với bạn bè, người thân, thầy/cô giáo và ứng xử phù hợp với độ tuổi.

– Trách nhiệm với con người và môi trường xung quanh: Cách tôn trọng đồ dùng cá nhân của người khác, biết xin phép và thực hiện các nội quy, quy định đơn giản trong lớp học; các kỹ năng xã hội trong học tập và vui chơi như biết chia sẻ, chơi cùng bạn, hợp tác; tuân thủ một số quy tắc cơ bản ở nơi công cộng như chào hỏi, cảm ơn, giữ trật tự; giữ gìn, bảo vệ đồ dùng, đồ chơi cá nhân và thể hiện tình cảm yêu quý đối với đồ vật, con vật, cây cối gần gũi xung quanh; giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sống.

1.3. Ngôn ngữ

Nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt của lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ cuối tuổi nhà trẻ và khả năng của trẻ theo tháng tuổi (đối với trẻ dưới 12 tháng), theo giai đoạn (cho các độ tuổi lớn hơn) để trẻ có thể đạt được các năng lực phù hợp với lứa tuổi và bản thân mỗi trẻ.

Nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ tập trung vào các vấn đề sau:

– Nghe: Nghe âm thanh, lời nói; nghe và cảm nhận nhịp điệu, ngữ điệu trong lời nói, bài hát, bài thơ ngắn; nghe âm nhạc, thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện...

– Nói: Cách phát âm; phát triển vốn từ; nói câu đúng ngữ pháp; cách đặt câu hỏi đơn giản và trả lời câu hỏi; diễn đạt nhu cầu, cảm xúc bằng lời nói kết hợp với cử chỉ, ánh mắt; kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao...; thể hiện lịch sự trong giao tiếp bằng lời nói, cử chỉ, hành động...

– Chuẩn bị cho học đọc, học viết: Tiếp xúc, thao tác với sách, tranh; học cách cầm, mở, lật sách; cách giữ gìn sách; cách đọc tiếng Việt; quan sát chữ, hình ảnh, biểu tượng; bước đầu nhận biết mối liên hệ giữa chữ viết và ý nghĩa. Luyện tập sự khéo léo của bàn tay ngón tay, phối hợp tay – mắt qua vẽ, tô, cách cầm bút, dụng cụ vẽ, viết; làm quen với thao tác viết như tạo các nét vẽ đơn giản trên giấy, bảng.

1.4. Nhận thức

Nội dung giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ nhà trẻ được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt của lĩnh vực, đặc điểm phát triển của trẻ, mục tiêu giáo dục và bối cảnh thực tiễn tại địa phương, thông qua các hoạt động cảm nhận, thao tác và khám phá thế giới gần gũi xung quanh. Cụ thể gồm các nội dung sau:

– Kiến thức về con người, sự vật, hiện tượng quen thuộc trong thế giới xung quanh: Tên gọi, đặc điểm nổi bật về màu sắc, hình dạng (tròn, vuông, tam giác); kích thước (to – nhỏ, dài – ngắn, cao – thấp); số lượng (một – nhiều); vị trí (trên, dưới, trước, sau so với bản thân); cấu tạo đơn giản, công dụng, cách sử dụng đồ vật an toàn và mối quan hệ với trẻ.

– Khám phá và tương tác với thế giới xung quanh: Cách sử dụng các giác quan để quan sát, so sánh, phân loại sự vật, hiện tượng và thực hiện hành vi phù hợp với con người, sự vật, hiện tượng gần gũi; làm quen với một số công cụ, đồ dùng, phương tiện đơn giản để khám phá dưới sự hướng dẫn của người lớn.

1.5. Nghệ thuật

Nội dung giáo dục nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ được xác định dựa trên cơ sở yêu cầu cần đạt, đặc điểm phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của địa phương. Nội dung này hướng vào khơi gợi tính tò mò, khả năng quan sát và khám phá thế giới xung quanh của trẻ một cách tự nhiên; đồng thời tạo cơ hội cho trẻ có những trải nghiệm nghệ thuật đa dạng. Thông qua đó, trẻ từng bước hình thành và phát triển xúc cảm thẩm mỹ phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Nội dung gồm:

– *Cảm thụ nghệ thuật*: Về đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, nghệ thuật với sự đa dạng về thể loại và tác phẩm.

– *Hiểu biết, kỹ năng hoạt động nghệ thuật* (âm nhạc và vận động theo nhạc; tạo hình; kịch); nuôi dưỡng hứng thú và khả năng sáng tạo nghệ thuật ban đầu của trẻ.

+ *Âm nhạc*: Tiếp xúc, lắng nghe tác phẩm âm nhạc đa dạng; hát và vận động theo giai điệu, bài hát quen thuộc; khám phá và tạo ra âm thanh từ các đồ dùng, dụng cụ âm nhạc.

+ *Tạo hình*: Làm quen với màu sắc, chất liệu và một số kỹ năng (di màu, vẽ nguệch ngoạc, xem tranh, vo, bóp, xé, lắp ghép...) một cách tự do, với đa dạng nguyên liệu, qua đó phát triển khả năng biểu đạt cá nhân.

+ *Kịch*: Học cách biểu lộ cảm xúc và bắt chước một vài lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật trong câu chuyện, phim hoặc vở kịch mà trẻ yêu thích.

2. Phương pháp giáo dục

Sử dụng phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ, giáo dục đa giác quan, chăm sóc đáp ứng, kích thích trẻ em tham gia hoạt động và thúc đẩy sự phát triển các chức năng tâm lý, sinh lý ở trẻ em.

– Đối với trẻ em dưới 12 tháng: Sử dụng phương pháp giáo dục nêu trên qua hoạt động giao lưu cảm xúc trực tiếp và thao tác với đồ vật.

– Đối với trẻ em từ 12 tháng đến 36 tháng: Sử dụng các phương pháp nêu trên qua hoạt động với đồ vật; trò chơi hành động theo chức năng với đồ chơi.

– Đối với trẻ em mới đến trường và/hoặc trẻ có hoàn cảnh đặc biệt: Chú trọng phương pháp hỗ trợ cá nhân.

Giáo viên, người chăm sóc trẻ dành thời gian quan sát, lắng nghe, tương tác, hoạt động cùng trẻ ở mọi thời điểm, không gian phù hợp để nhận ra và kịp thời đáp ứng các nhu cầu đang phát triển của trẻ em. Trẻ em được trải nghiệm thường xuyên thông qua các hoạt động đa dạng, gần gũi với kinh nghiệm sống và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục

– Đa dạng hình thức tổ chức hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho trẻ em học mọi lúc mọi nơi và học bằng nhiều cách khác nhau.

– Linh hoạt trong thiết kế, điều chỉnh và tổ chức các hoạt động giáo dục: cân đối giữa hoạt động giáo dục được chuẩn bị trước theo kế hoạch của giáo viên với hoạt động theo ý thích của trẻ và hoạt động phát sinh; kết hợp giữa hoạt động tổ chức trong lớp với hoạt động ngoài lớp, giữa hoạt động theo nhóm lớn, chung cả lớp kết hợp với nhóm nhỏ và hỗ trợ cá nhân; hài hoà giữa “động” và “tĩnh” trong tổ chức hoạt động nhằm hỗ trợ từng trẻ tiến bộ và đạt được yêu cầu cần đạt.

– Mở rộng cơ hội cho trẻ được tham gia các hoạt động tương tác trực tiếp với môi trường tự nhiên; tham gia vào các nhóm xã hội ở trường, lớp.

– Đối với trẻ em mới đến trường và/hoặc trẻ có hoàn cảnh đặc biệt: Chú trọng các hình thức hỗ trợ cá nhân phù hợp trong giai đoạn chuyển tiếp.

D. MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Môi trường vật chất

1.1. Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng, nhóm

– Diện tích của phòng, nhóm, khu vực dành cho hoạt động ăn, ngủ, chơi tập, vệ sinh đáp ứng quy định hiện hành.

– Các khu vực hoạt động được thiết kế và bố trí đảm bảo an toàn, thân thiện, thuận tiện cho tất cả các trẻ tiếp cận, sử dụng đúng mục đích. Việc bố trí các không gian mang tính hỗ trợ phù hợp:

+ Đối với trẻ em dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan. Các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

+ Đối với trẻ 12 – 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Đối với trẻ 24 – 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi trò chơi, hoạt động với đồ vật, thực hành các thao tác riêng lẻ (ru em bé ngủ, cho bé ăn, nấu ăn...) chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), chơi với đất nặn, bút vẽ.

– Đồ dùng, đồ chơi đa dạng hấp dẫn, an toàn, chất liệu, kích thước phù hợp lứa tuổi. Ưu tiên sử dụng các vật liệu tại địa phương, thân thiện với môi trường.

– Đồ dùng, đồ chơi được sắp xếp ở các khu vực hoạt động bảo đảm thẩm mỹ, đáp ứng mục đích giáo dục, có tính mở, kích thích trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động.

– Đồ dùng, đồ chơi đủ với số lượng trẻ; không phân biệt văn hoá và giới tính. Có đồ dùng, đồ chơi đặc thù cho trẻ khuyết tật học hoà nhập.

– Giáo viên quan sát trẻ trong quá trình hoạt động, tương tác với môi trường để từ đó điều chỉnh phù hợp đối với các hoạt động tiếp theo.

1.2. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

– Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực phù hợp, bảo đảm liên hoàn trong các hoạt động. Có đủ đồ chơi ngoài trời cho tất cả các trẻ. Những thiết bị, đồ chơi không dành cho trẻ nhà trẻ phải đặt ở khu vực riêng và có kí hiệu nhận biết.

– Có không gian cây xanh, khu vực nuôi các con vật. Cây trồng và vật nuôi trong trường phải bảo đảm phù hợp, an toàn.

2. Môi trường tâm lý – xã hội

– Xây dựng môi trường giáo dục ấm áp, hấp dẫn, bảo đảm an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi cho việc hình thành và phát triển năng lực xã hội của trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên, người lớn trong cơ sở giáo dục mầm non đối với trẻ luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

– Tạo lập bầu không khí khích lệ trẻ sẵn sàng tham gia các hoạt động, trải nghiệm, khám phá bằng cách: khuyến khích, động viên, trò chuyện và khen ngợi kịp thời thành công của trẻ.

– Hành vi, cử chỉ, lời nói của các thành viên trong cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm tôn trọng lẫn nhau; không phân biệt đối xử về điều kiện kinh tế, tôn giáo, văn hoá và giới tính.

– Tất cả trẻ em đều được chào đón, được tham gia và có cơ hội như nhau trong tất cả các hoạt động hằng ngày ở trường.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM NHÀ TRẺ

Đánh giá trẻ em nhà trẻ được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

1. Đánh giá quá trình

1.1. Mục tiêu

Theo dõi, ghi nhận sự tiến bộ, phát hiện nhu cầu, rào cản trong các hoạt động vui chơi, giáo dục và sinh hoạt hằng ngày, phát hiện sớm những dấu hiệu nguy cơ chậm phát triển nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch, môi trường chăm sóc, giáo dục và phối hợp với gia đình đáp ứng nhu cầu cá nhân của trẻ.

1.2. Nội dung

Các biểu hiện của trẻ về sự thích nghi; cảm xúc và hành vi trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày; mức độ đạt được mục tiêu giáo dục; các dấu hiệu về nguy cơ chậm phát triển.

1.3. Nguyên tắc chung

- Đánh giá diễn ra tự nhiên, lồng ghép trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
- Không gây áp lực cho trẻ; không dùng bài tập hay câu hỏi kiểm tra trẻ.
- Dựa trên quan sát liên tục tự nhiên và so sánh sự thay đổi của chính bản thân trẻ.

1.4. Phương pháp

Thực hiện chủ yếu thông qua quan sát thường xuyên hằng ngày, các tình huống thực tế kết hợp trò chuyện, tương tác trực tiếp với trẻ, trao đổi với cha, mẹ, người chăm sóc trẻ và đồng nghiệp.

1.5. Thời điểm

Thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình trẻ sinh hoạt, vui chơi và tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hằng ngày.

2. Đánh giá định kì

2.1. Mục tiêu

Xác định mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt ở các lĩnh vực giáo dục, khái quát quá trình/xu hướng phát triển của trẻ theo độ tuổi, làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch, chương trình giáo dục giai đoạn tiếp theo, tăng cường phối hợp với gia đình phát hiện, hỗ trợ trẻ có nguy cơ chậm phát triển.

2.2. Nội dung

Đánh giá mức độ đạt được yêu cầu cần đạt trong các lĩnh vực giáo dục. Đánh giá mức độ phát triển thể chất sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều dài hoặc chiều cao theo độ tuổi.

2.3. Nguyên tắc chung

- Đảm bảo tính khách quan, toàn diện, công bằng vì sự tiến bộ của trẻ.
- Không gây áp lực, không phân loại, so sánh trẻ.

2.4. Phương pháp

- Sử dụng các phương pháp đánh giá quá trình kết hợp phân tích sản phẩm hoạt động (nếu cần thiết).
- Sử dụng biểu đồ tăng trưởng.
- Đối với trẻ em học hoà nhập, giáo viên nhận diện một số biểu hiện khác biệt ở trẻ em, trao đổi với cha, mẹ, người chăm sóc để có những biện pháp can thiệp giáo dục kịp thời.

2.5. Thời điểm: Thực hiện vào cuối học kì và cuối năm học.

- Đánh giá định kì được thực hiện vào cuối học kì 1, cuối năm học dựa vào mục tiêu giáo dục nhóm lớp, cá nhân.
- Đối với nhóm trẻ 24 - 36 tháng, đánh giá cuối năm học dựa vào yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi nhà trẻ.

– Đánh giá tình trạng dinh dưỡng: Đo chiều dài/chiều cao, cân nặng, theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng mỗi tháng 01 lần đối với trẻ dưới 24 tháng, 03 tháng 01 lần đối với trẻ 24 - 36 tháng.

3. Sử dụng kết quả đánh giá

Kết quả đánh giá được sử dụng để điều chỉnh kế hoạch, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, xây dựng biện pháp hỗ trợ phù hợp, theo dõi sự tiến bộ của trẻ; phối hợp với gia đình và phát hiện sớm, kết nối các dịch vụ hỗ trợ khi cần, nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ.

Việc sử dụng kết quả đánh giá phải đảm bảo tính bảo mật thông tin cá nhân.

G. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ em nhà trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt của trẻ trong ngày

Trẻ em từ 3 đến 36 tháng tuổi được tổ chức thành các lớp nhà trẻ theo quy định, thực hiện các hoạt động phù hợp với nhu cầu và đặc điểm phát triển của trẻ em nhà trẻ. Đảm bảo hài hoà giữa bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc với giáo dục; thực hiện đủ, linh hoạt các hoạt động trong ngày của trẻ như sau:

- Hoạt động đầu ngày: đón trẻ, chơi, thể dục sáng, trò chuyện;
- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh;
- Hoạt động chơi: góc, ngoài trời, tự do;

- Hoạt động học;
- Hoạt động cuối ngày: trò chuyện, chơi, trả trẻ.

2.1. Nuôi dưỡng

2.1.1. Trẻ 03 – 06 tháng: Bú sữa mẹ hoàn toàn.

2.1.2. Trẻ 06 – 24 tháng

- Ăn bổ sung và tiếp tục bú sữa mẹ.
- Yêu cầu về chế độ ăn bổ sung:
- + Khuyến nghị về dinh dưỡng

Nhóm tuổi	Tổng nhu cầu năng lượng cả ngày	Khuyến nghị về năng lượng cần từ thức ăn bổ sung cả ngày	
		Trong điều kiện sữa mẹ ở mức trung bình	Lưu ý
6 – 9 tháng	518 – 776 Kcal/ngày	230 Kcal/ngày	Lượng thức ăn bổ sung được điều chỉnh nhiều hoặc ít hơn mức trung bình tương ứng với lượng sữa mẹ (hoặc sử dụng sữa công thức trong trường hợp thiếu sữa mẹ)
9 – 12 tháng	598 – 848 Kcal/ngày	344 Kcal/ngày	
12 – 24 tháng	650 – 1086 Kcal/ngày	517 Kcal/ngày	

- + Bữa ăn đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng bao gồm: chất đạm, chất béo, tinh bột, vitamin và chất khoáng.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

- Chất đạm cung cấp 13% – 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo cung cấp 30% – 40% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột cung cấp 47% – 50% năng lượng khẩu phần.

+ Đa dạng thực phẩm hằng ngày, khuyến khích tối thiểu đạt 5/8 nhóm thực phẩm:

- Sữa mẹ;
- Ngũ cốc và các loại củ;
- Các loại đậu đỗ và hạt;
- Sữa và chế phẩm của sữa;
- Thịt, cá, gia cầm, nội tạng và gan;
- Trứng;
- Trái cây và rau giàu vitamin A;
- Các loại trái cây và rau quả khác.

– Cho trẻ uống đủ nước. Nhu cầu nước khuyến nghị ngoài thức ăn và sữa: từ 200 – 500 ml/trẻ/ngày.

– Bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến thức ăn theo quy định.

– Hình thức chế biến phù hợp từng nhóm tuổi: từ dạng sệt lỏng đến đặc dần; từ mềm mịn/xay nhuyễn đến băm nhỏ; lưu ý bỏ vỏ, hạt, xương để bảo đảm an toàn cho trẻ. Hạn chế thêm gia vị, mắm, muối vào thức ăn của trẻ dưới 12 tháng.

– Ưu tiên lựa chọn thực phẩm theo mùa tại địa phương.

– Xây dựng chế độ ăn phù hợp với chế độ sinh hoạt của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non và điều kiện thực tiễn.

2.1.3. Trẻ 24 – 36 tháng

– Yêu cầu về chế độ ăn:

+ Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị

Nhu cầu khuyến nghị năng lượng Kcal/ngày	
Cả ngày	Tại cơ sở giáo dục mầm non <i>(đạt 60 – 70% nhu cầu năng lượng cả ngày)</i>
930 – 1.000 Kcal	579 – 676 Kcal

+ Bữa ăn đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng bao gồm: chất đạm, chất béo, tinh bột, vitamin và chất khoáng

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

- Chất đạm cung cấp 13% – 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo cung cấp 30% – 40% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột cung cấp 47% – 50% năng lượng khẩu phần.

+ Số bữa ăn: 01 bữa chính, 02 bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non:

- Bữa chính cung cấp từ 20% đến 35% năng lượng cả ngày.
- Bữa phụ cung cấp từ 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

– Cho trẻ uống đủ nước. Nhu cầu nước khuyến nghị ngoài thức ăn và sữa: từ 800 – 1.000 ml/trẻ/ngày

– Bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến thức ăn theo quy định.

– Bảo đảm đa dạng thực phẩm.

– Xây dựng thực đơn hàng tuần.

– Ưu tiên lựa chọn thực phẩm theo mùa tại địa phương.

2.2. Chăm sóc

2.2.1. Chăm sóc giấc ngủ

- Mỗi trẻ có chỗ ngủ yên tĩnh, sạch sẽ, an toàn.
- Khuyến nghị về giấc ngủ ban ngày của trẻ:

Nhóm tuổi	Khuyến nghị số giấc ngủ ban ngày	Khuyến nghị thời gian ngủ/giấc
3 – 6 tháng	03	02 giấc ngắn (50 – 60 phút) 01 giấc dài (110 – 120 phút)
6 – 9 tháng	03	02 giấc ngắn (30 – 60 phút) 01 giấc dài (110 – 120 phút)
9 – 12 tháng	02	01 giấc ngắn (30 – 60 phút) 01 giấc dài (110 – 120 phút)
12 – 18 tháng	02	01 giấc ngắn (30 – 60 phút) 01 giấc dài (110 – 120 phút)
18 – 24 tháng	01	01 giấc dài (110 – 120 phút)
24 – 36 tháng	01	

2.2.2. Chăm sóc sức khoẻ

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo quy định.
- Tổ chức vệ sinh cá nhân hằng ngày cho trẻ.

- Tổ chức vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, phòng/nhóm lớp, vệ sinh môi trường theo quy định.
- Tổ chức chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn; sơ cấp cứu ban đầu khi xảy ra tai nạn.
- Phát hiện sớm các rối loạn phát triển về tâm thần, vận động của trẻ để tư vấn cho cha mẹ kịp thời.

2.3. Bảo đảm an toàn

- Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ trong thời gian tại cơ sở giáo dục mầm non.
- Quản lý trẻ chặt chẽ trong mọi hoạt động hằng ngày tại cơ sở giáo dục mầm non.
- Thực hiện nghiêm túc quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.
- Thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ trong trường học.
- Duy trì liên lạc thường xuyên và phối hợp với cha, mẹ, người chăm sóc trẻ để bảo đảm an toàn cho trẻ em.

2.4. Hoạt động giáo dục

2.4.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

- Tạo cơ hội cho trẻ được tiếp xúc, trò chuyện, thể hiện và đáp lại tình cảm thông qua ánh mắt, nụ cười, cử chỉ, lời nói.
- Nội dung gần gũi, gắn với nhu cầu tình cảm cơ bản như ôm ấp, trò chuyện, mỉm cười, gọi tên...
- Khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc và phản hồi cảm xúc của người khác.
- Thực hiện nhiều lần trong ngày, kết hợp linh hoạt trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Có thể tổ chức theo nhóm nhỏ hoặc cá nhân, tùy độ tuổi và nhu cầu của trẻ.

2.4.2. Hoạt động với đồ vật

- Lựa chọn đồ vật, đồ chơi an toàn, kích thích giác quan và khả năng thao tác của trẻ.
- Nội dung tập trung vào việc khám phá đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ vật.

- Hướng dẫn trẻ gọi tên, phân biệt, mô phỏng thao tác sử dụng đồ vật.
- Thời gian thực hiện linh hoạt tùy thuộc vào hứng thú của trẻ.

2.4.3. Hoạt động chơi

- Chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu chơi phù hợp, an toàn, thân thiện, kích thích sự tham gia của trẻ.
- Chọn nội dung chơi, trò chơi phù hợp lứa tuổi.
- Nội dung chơi gắn với trải nghiệm hằng ngày, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, hợp tác.
- Thời gian thực hiện linh hoạt tùy thuộc vào hứng thú của trẻ.

2.4.4. Hoạt động học

- Hoạt động học ở nhà trẻ diễn ra dưới hình thức chơi – tập, được tổ chức theo kế hoạch và có sự hướng dẫn của giáo viên.
- Các hoạt động học cần được xác định rõ mục tiêu phát triển thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, thẩm mỹ.
- Tổ chức ngắn gọn, dễ hiểu, kết hợp nhiều giác quan, khuyến khích vận động và tương tác.
- Tăng dần mức độ phức tạp theo tuổi; không ép buộc, tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm.
- Thời gian thực hiện linh hoạt 1 – 2 lần/ngày, 05 – 15 phút/lần tùy thuộc vào độ tuổi và hứng thú của trẻ.

PHẦN BA

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Trẻ em từ 3 đến 6 tuổi được phát triển toàn diện, hài hoà về thể chất, tình cảm – xã hội, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ; phát triển các phẩm chất cốt lõi, năng lực mang tính nền tảng theo độ tuổi và phát huy khả năng tiềm ẩn của từng trẻ, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp một, tạo cơ sở cho việc học tập thành công ở cấp học tiếp theo và học tập suốt đời.

Yêu cầu cần đạt ở trẻ em cuối độ tuổi mẫu giáo:

1. Phát triển tốt về thể chất; năng động, hạnh phúc trong cuộc sống; thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động ở gia đình và trường mầm non.
2. Ý thức về bản thân; yêu quý và sống có trách nhiệm với bản thân, gắn bó với gia đình và những người gần gũi, môi trường; tôn trọng, hợp tác, chia sẻ, đồng cảm và tương tác tích cực với người khác, với sự vật xung quanh. Có hành vi văn hoá phù hợp trong giao tiếp.
3. Trẻ nghe hiểu và diễn đạt được ý tưởng của bản thân một cách rõ ràng, chuẩn bị sẵn sàng cho học đọc, học viết ở Tiểu học.
4. Thích khám phá, ham hiểu biết, có khả năng tư duy, sáng tạo, suy luận về các mối quan hệ của sự vật, hiện tượng trong thế giới xung quanh và biểu đạt bằng nhiều hình thức khác nhau; tích cực tham gia giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.
5. Cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật; yêu thích và thể hiện sự sáng tạo trong hoạt động nghệ thuật và cuộc sống.

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Thể chất

Giáo dục thể chất hướng tới hình thành cho trẻ các năng lực gồm: Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất, thích ứng được với sự thay đổi của môi trường và hoạt động thể chất; thực hiện được các kỹ năng vận động; thực hành dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và bảo đảm an toàn. Những năng lực thuộc lĩnh vực thể chất góp phần giúp trẻ hướng đến, đạt được và duy trì lối sống lành mạnh, năng động.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	<i>TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất</i>	TC 1.1. Chủ động, hào hứng tham gia vào hoạt động thể chất đa dạng.
		TC 1.2. Không bỏ cuộc cho đến khi đạt mục tiêu.
		TC 1.3. Sẵn sàng phối hợp với bạn, nhóm bạn trong quá trình hoạt động.
		TC 1.4. Tham gia các hoạt động thể chất có tính thử thách.
		TC 1.5. Tìm kiếm cách khác để thực hiện nhiệm vụ vận động.
	<i>TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt</i>	TC 2.1. Chủ động thực hiện và đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt khi có sự thay đổi.
		TC 2.2. Dễ dàng tham gia vào hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.
2. Thực hiện các kỹ năng	<i>TC3. Thực hiện các vận động thô</i>	TC 3.1. Thực hiện được các vận động di chuyển trong điều kiện, yêu cầu khác nhau, thể hiện khả năng kiểm soát vận động, giữ thăng bằng ổn định khi thực hiện vận động: di chuyển trên các địa hình khác nhau, phối hợp thực hiện vận động; tăng tốc độ và sức bền khi thực hiện vận động.
		TC 3.2. Thực hiện được các vận động với dụng cụ, thiết bị, vận động với người khác, thể hiện

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
vận động		khả năng kiểm soát và phối hợp vận động: đập và bắt bóng bằng 2 tay; ném và bắt bóng với giáo viên ở khoảng cách tối thiểu 3m, ném trúng đích đứng xa 2m, cao 1,5m; đá bóng đang lăn; trèo lên và trèo xuống các mô hình vận động.
		TC 3.3. Thực hiện được các vận động tại chỗ và giữ thăng bằng tĩnh: đứng trên 1 chân trong tối thiểu 10 giây, xoay tròn tại chỗ và giữ thăng bằng khi dừng lại.
		TC 3.4. Thực hiện được liên mạch chuỗi 3 – 4 vận động.
		TC 3.5. Thực hiện thành thạo vận động thô trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày.
	TC4. Thực hiện các vận động tinh	TC 4.1. Thao tác với đồ vật, vật liệu đa dạng về chất liệu và kích cỡ, thể hiện khả năng kiểm soát, điều chỉnh tốt vận động cơ nhỏ, phối hợp tay – mắt: thao tác dễ dàng với các đồ vật nhỏ, xếp, ghép, nặn, gắn dính, dán, đan, tết, cắt các đường bao thẳng và cong, vẽ đa dạng các hình.
		TC 4.2. Thực hiện được những hoạt động trong sinh hoạt, chơi, tập cần sự khéo léo của bàn tay, ngón tay với sự thành thạo, chủ động, độc lập.
3. Thực hành dinh dưỡng	TC5. Biết và thực hiện ăn uống hợp lý	TC 5.1. Thể hiện được những nhận biết về dinh dưỡng: các nhóm chất dinh dưỡng, phân biệt được thực phẩm có lợi và có hại cho sức khỏe, những biểu hiện và lợi ích của ăn uống hợp lý.
		TC 5.2. Thực hiện các hành vi văn minh trong ăn uống với sự thành thạo, chủ động.
		TC 5.3. Ăn được đa dạng thực phẩm, món ăn; hạn chế ăn những thực phẩm có hại cho sức khỏe.
		TC 5.4. Tự làm được một số món ăn, đồ uống đơn giản và thu dọn sau khi hoạt động.
		TC 5.5. Nói với người lớn về món ăn mà mình dị ứng.
4. Chăm sóc	TC6. Biết chăm sóc sức khỏe và	TC 6.1. Chủ động và có thể thực hiện thuần thục các hành vi vệ sinh cá nhân.
		TC 6.2. Biết về mối quan hệ giữa việc luyện tập, giữ vệ sinh, phòng bệnh với sức khỏe và chủ

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
sức khỏe, vệ sinh và an toàn	<i>thực hành vệ sinh</i>	động thực hiện các hành vi chăm sóc sức khỏe.
		TC 6.3. Nhận ra biểu hiện thường gặp khi bị bệnh và thực hiện những quy tắc phòng dịch, bệnh đã được hướng dẫn.
		TC 6.4. Chủ động thực hiện các hành vi giữ vệ sinh môi trường xung quanh và nhắc người khác cùng thực hiện.
	<i>TC7. Biết và có kỹ năng bảo đảm an toàn</i>	TC 7.1. Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp.
TC 7.2. Chủ động thực hành theo hướng dẫn về các quy tắc an toàn và nói được vì sao cần làm như vậy.		
TC 7.3. Xác định được người lớn có thể giúp đỡ trong những tình huống nguy hiểm.		
TC 7.4. Tỏ thái độ không đồng tình với những hành vi gây mất an toàn.		

2. Tình cảm – xã hội

Giáo dục tình cảm – xã hội hướng vào phát triển ở trẻ năng lực nhận biết và quản lý bản thân, điều chỉnh cảm xúc, hành vi, nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân và người khác, nhận biết các mối quan hệ xã hội, thiết lập và duy trì các mối quan hệ phù hợp; tôn trọng, hợp tác, đồng thời thể hiện hành vi ứng xử xã hội phù hợp với con người và môi trường sống xung quanh.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
1. Nhận thức và quản lý bản thân	<i>TX1. Nhận biết về bản thân</i>	TX 1.1. Tự nhận diện đặc điểm bề ngoài, sở thích, khả năng của bản thân.
		TX 1.2. Thể hiện nhu cầu, khả năng của bản thân bằng nhiều cách khác nhau.
		TX 1.3. Thể hiện điều bản thân thích và không thích.
	<i>TX2. Quản lý bản thân</i>	TX 2.1. Nhận ra và gọi tên các cảm xúc của bản thân.

		TX 2.2. Sử dụng lời nói để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, ý kiến của bản thân phù hợp.
		TX 2.3. Nhận ra được cảm xúc, hành vi của bản thân có ảnh hưởng đối với người khác.
		TX 2.4. Điều chỉnh cảm xúc khi không được như ý muốn.
		TX 2.5. Nhận lỗi và biết sửa lỗi.
		TX 2.6. Phản ánh đúng hành động của bản thân, kể lại sự việc đơn giản theo sự thật.
2. Nhận thức và quan hệ xã hội	<i>TX3. Nhận biết về các mối quan hệ xã hội</i>	TX 3.1. Nhận biết và ứng xử phù hợp với vị trí của trẻ trong gia đình, trường, lớp, cộng đồng.
		TX 3.2. Nhận biết vị trí của mỗi thành viên trong gia đình, nhóm lớp, cộng đồng.
		TX 3.3. Nhận biết một số ngày lễ, ngày hội truyền thống của gia đình, trường và cộng đồng nơi trẻ sống.
		TX 3.4. Nhận biết được một số nghề quen thuộc của người thân.
		TX 3.5. Nhận biết được một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội.
	<i>TX4. Thiết lập và duy trì mối quan hệ xã hội</i>	TX 4.1. Chủ động làm quen, chơi cùng bạn.
		TX 4.2. Thể hiện phép lịch sự, ứng xử thân thiện với bạn bè và người khác.
		TX 4.3. Mạnh dạn, tự tin giao tiếp khi tham gia các hoạt động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng.
		TX 4.4. Hợp tác và duy trì mối quan hệ tích cực với bạn bè và người khác.
		TX 4.5. Thương lượng, giải quyết mâu thuẫn đơn giản với bạn.
	<i>TX5. Thể hiện và chia sẻ cảm xúc với người khác</i>	TX 5.1. Nhận ra và gọi tên các cảm xúc của người khác.
		TX 5.2. Thể hiện tình cảm với người khác bằng nhiều cách khác nhau.

		TX 5.3. Thể hiện sự quan tâm, cảm thông với người khác.
		TX 5.4. Nhận ra sự thay đổi cảm xúc của người khác.
		TX 5.5. Thể hiện sự lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp với người khác.
3. Trách nhiệm với con người và môi trường	<i>TX6. Tôn trọng và hợp tác với người khác</i>	TX 6.1. Nhận biết quyền, bổn phận của bản thân và tôn trọng quyền của người khác.
		TX 6.2. Chấp nhận sự khác biệt của người khác.
		TX 6.3. Biết chia sẻ và giúp đỡ bạn trong các hoạt động.
		TX 6.4. Chờ đến lượt, phối hợp với bạn trong hoạt động nhóm.
		TX 6.5. Tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác và giúp đỡ người khác khi cần thiết.
	<i>TX7. Ứng xử phù hợp với hoàn cảnh khác nhau</i>	TX 7.1. Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với tình huống, hoàn cảnh khác nhau.
		TX 7.2. Điều chỉnh một số hoạt động cá nhân theo thời gian biểu và điều kiện thời tiết.
		TX 7.3. Thực hiện một số kỹ năng, hành vi, hành động để thích nghi với môi trường chuẩn bị vào lớp một.
	<i>TX8. Ứng xử thân thiện với môi trường</i>	TX 8.1. Thực hiện quy định ở trường, lớp, gia đình, nơi công cộng.
		TX 8.2. Thực hiện hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây trồng gần gũi xung quanh.
		TX 8.3. Ý thức giữ gìn, bảo vệ và sống hài hoà với thiên nhiên, môi trường.

3. Ngôn ngữ

Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo hướng tới hình thành ở trẻ năng lực nghe hiểu, sử dụng ngôn ngữ, sẵn sàng học đọc, sẵn sàng học viết. Những năng lực thuộc lĩnh vực góp phần giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và giao tiếp phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo, chuẩn bị sẵn sàng cho học đọc, học viết ở lớp một Tiểu học.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
1. Nghe hiểu	<i>NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói</i>	NN 1.1. Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói có 5 – 7 tiếng.
		NN 1.2. Trao đổi thông tin liên quan đến chủ đề hội thoại hoặc câu chuyện được nghe.
		NN 1.3. Thực hiện được hướng dẫn bằng lời nói trong các hoạt động hằng ngày.
2. Sử dụng ngôn ngữ	<i>NN2. Diễn đạt bằng lời nói</i>	NN 2.1. Nói rõ ràng, đủ ý khi thể hiện ý kiến, nhu cầu của bản thân.
		NN 2.2. Sử dụng được đa dạng từ loại, kiểu câu trong giao tiếp.
		NN 2.3. Kể lại được câu chuyện hoặc sự việc theo đúng trình tự.
		NN 2.4. Kết hợp lời nói, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt để thể hiện ý kiến, cảm xúc của bản thân.
		NN 2.5. Sử dụng được các từ ngữ nghi thức phù hợp với tình huống giao tiếp và văn hoá.
		NN 2.6. Điều chỉnh ngữ điệu, âm lượng và tốc độ nói phù hợp với đối tượng, tình huống giao tiếp.
	<i>NN3. Thể hiện ngôn ngữ sáng tạo</i>	NN 3.1. Kể về sự vật, hiện tượng hoặc kể lại câu chuyện bằng lời nói, kết hợp cử chỉ, điệu bộ, vẽ... theo cách riêng.
		NN 3.2. Thể hiện ngôn ngữ biểu cảm khi đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch, biểu diễn nghệ thuật.
3. Sẵn sàng học đọc	<i>NN4. Hứng thú với sách và ấn phẩm</i>	NN 4.1. Chủ động lựa chọn, xem sách và ấn phẩm.
		NN 4.2. Lắng nghe người lớn đọc sách với thái độ vui thích.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
		NN 4.3. Giữ gìn và bảo vệ sách, ấn phẩm.
	<i>NN5. Thể hiện kỹ năng ban đầu về đọc</i>	NN 5.1. Nhận biết được một số chữ cái tiếng Việt và kí hiệu, biểu tượng quen thuộc trong cuộc sống.
		NN 5.2. Cầm và giở sách đúng cách, theo dõi nội dung sách theo chiều từ trên xuống dưới và từ trái sang phải, từ đầu đến cuối sách.
4. Sẵn sàng học viết	<i>NN6. Hứng thú với vẽ, viết</i>	NN 6.1. Chủ động tham gia hoạt động vẽ, viết và duy trì tập trung khi thực hiện.
		NN 6.2. Giữ gìn dụng cụ vẽ, viết trong quá trình sử dụng.
	<i>NN7. Thể hiện kỹ năng ban đầu về viết</i>	NN 7.1. Nhận biết chữ viết có thể đọc và thay thế cho lời nói.
		NN 7.2. Sử dụng được bút chì, sáp màu kết hợp với giữ giấy khi vẽ, viết.
		NN 7.3. Chép lại được tên của người hoặc đồ vật quen thuộc theo quy ước viết cơ bản từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.

4. Nhận thức

Giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo chú trọng nuôi dưỡng tính ham hiểu biết, tò mò khám phá thế giới xung quanh; từng bước hình thành các khái niệm đơn giản về toán và khoa học; phát triển tính chủ định trong các quá trình nhận thức, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi mẫu giáo.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	<i>NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu thế giới xung quanh</i>	NT 1.1. Hào hứng tham gia hoạt động trải nghiệm, khám phá con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
		NT 1.2. Đặt câu hỏi thể hiện mong muốn tìm hiểu về con người, sự vật, hiện tượng.

		NT 1.3. Thể hiện sự thoải mái và sẵn sàng tham gia hoạt động trải nghiệm, khám phá con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
	NT2. Thể hiện sự chủ động tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh	NT 2.1. Lựa chọn sự vật, hiện tượng hoặc cách thức đơn giản để khám phá.
		NT 2.2. Kiên trì thực hiện hoạt động tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
		NT 2.3. Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ và hợp tác cần thiết để thực hiện hoạt động khám phá thế giới xung quanh.
2. Hiểu biết và kỹ năng nhận thức về thế giới xung quanh	NT3. Hiểu biết ban đầu về thế giới xung quanh	NT 3.1. Mô tả đặc điểm, tính chất, sự thay đổi của con người, sự vật, hiện tượng.
		NT 3.2. Giải thích mối quan hệ của con người, sự vật, hiện tượng.
		NT 3.3. Mô tả quá trình tạo ra sản phẩm.
		NT 3.4. Xác định được số lượng, hình dạng, kích thước của các đối tượng cụ thể.
		NT 3.5. Nhận ra và tiếp tục thực hiện một số quy tắc, mẫu lặp trong tự nhiên và đời sống.
	NT4. Kỹ năng nhận thức về thế giới xung quanh	NT 4.1. So sánh điểm giống và khác nhau của 2 – 3 đối tượng.
		NT 4.2. Phân loại đối tượng dựa vào các dấu hiệu chung.
		NT 4.3. Thu thập thông tin đơn giản và thể hiện kết quả bằng lời nói hoặc sản phẩm trực quan.
		NT 4.4. Thực hiện đếm, tách – gộp, thêm – bớt, xác định số thứ tự các đối tượng trong phạm vi 10 và biểu thị kết quả.
		NT 4.5. Sử dụng các dụng cụ đo đơn giản để đo lường kích thước, dung tích của đồ vật và biểu thị kết quả.
NT 4.6. Xác định vị trí của bản thân, sự vật khác trong không gian.		

		NT 4.7. Sử dụng được các mốc thời gian gắn với hoạt động cụ thể.
3. Vận dụng hiểu biết và kỹ năng nhận thức vào cuộc sống	NT5. Giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống	NT 5.1. Quan sát, thu thập thông tin để nhận ra vấn đề.
		NT 5.2. Lựa chọn cách giải quyết vấn đề đơn giản dựa trên phán đoán của bản thân.
		NT 5.3. Sử dụng toán, khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.
	NT6. Thực hiện hành động phù hợp với con người, sự vật và môi trường gần gũi	NT 6.1. Thể hiện các hành động đơn giản phù hợp với con người, sự vật và hiện tượng trong môi trường gần gũi.
		NT 6.2. Điều chỉnh hành động cho phù hợp với đặc điểm và mối quan hệ giữa con người, sự vật và môi trường trong các tình huống hằng ngày.

5. Nghệ thuật

Giáo dục nghệ thuật cho trẻ em mẫu giáo hướng đến mục tiêu phát triển năng lực cảm thụ vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật, khả năng hoạt động nghệ thuật và thể hiện sự sáng tạo theo cách riêng của trẻ. Qua đó, từng bước hình thành và củng cố năng lực cảm thụ thẩm mỹ và năng lực sử dụng nghệ thuật như là phương tiện để thể hiện cảm xúc, hiểu biết và sự sáng tạo của bản thân.

Năng lực theo lĩnh vực		Yêu cầu cần đạt cuối tuổi mẫu giáo
1. Cảm thụ nghệ thuật	NgT1. Cảm thụ vẻ đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật	NgT 1.1. Thể hiện cảm xúc bằng các cách khác (lời nói, hành động, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.
		NgT 1.2. Yêu thích, trân trọng sản phẩm nghệ thuật truyền thống của Việt Nam và nền văn hoá khác/quốc gia khác.

		NgT 1.3. Nhận ra vẻ đẹp và tôn trọng sản phẩm nghệ thuật của người khác.
		NgT 1.4. Thể hiện ý kiến phản hồi hoặc nhận xét về sản phẩm nghệ thuật bằng các hình thức phù hợp với bản thân.
2. Thể hiện hiểu biết, kỹ năng hoạt động nghệ thuật	<i>NgT2: Hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và vận động theo nhạc</i>	NgT 2.1. Nhớ tên bài hát, bản nhạc và nói về nội dung của bài hát.
		NgT 2.2. Nhận biết được tính chất âm nhạc: êm ả, nhẹ nhàng, vui vẻ, sôi động.
		NgT 2.3. Nhận biết được nhịp điệu, tiết tấu và giai điệu của bài hát, bản nhạc quen thuộc, phù hợp lứa tuổi.
		NgT 2.4. Phân biệt âm thanh cao – thấp; dài – ngắn; to – nhỏ; âm thanh của một số nhạc cụ âm nhạc, giọng hát – giọng nói.
		NgT 2.5. Hát rõ lời, đúng giai điệu và thể hiện được sắc thái, tình cảm của bản thân khi hát.
		NgT 2.6. Vận động cơ thể, nhảy múa phù hợp sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc.
		NgT 2.7. Gõ, đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
		NgT 2.8. Biểu diễn tiết mục âm nhạc một cách tự nhiên.
	<i>NgT3. Hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động tạo hình</i>	NgT 3.1. Khám phá, thử nghiệm các vật liệu và cách thức tạo hình khác nhau trong các trải nghiệm nghệ thuật đa dạng.
		NgT 3.2. Phối hợp đa dạng đường nét, màu sắc, bố cục, nguyên liệu và các kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm theo ý tưởng của bản thân.
		NgT 3.3. Chia sẻ cảm nhận của bản thân về sản phẩm nghệ thuật tạo hình (màu sắc, đường nét, hình ảnh, sự sắp xếp/bố cục).

	NgT 4. Hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động kịch	NgT 4.1. Nói về những gì thể hiện trong vở kịch (nhân vật, âm thanh, ánh sáng, sân khấu, trang phục, diễn xuất...) theo suy nghĩ và cảm xúc của bản thân.
		NgT 4.2. Thể hiện được vai diễn của nhân vật trong vở kịch (qua giọng điệu, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lời nói, lời thoại nhân vật...).
3. Sáng tạo và ứng dụng nghệ thuật trong cuộc sống	NgT5. Sáng tạo trong hoạt động âm nhạc và vận động theo nhạc	NgT 5.1. Tạo ra âm thanh có tính nhạc theo những cách khác nhau.
		NgT 5.2. Nhảy, múa, vận động ngẫu hứng theo bài hát, bản nhạc và nói được ý tưởng của bản thân.
	NgT6. Sáng tạo trong hoạt động tạo hình	NgT 6.1. Tạo ra sản phẩm thể hiện sự mới mẻ, độc đáo về ý tưởng, cách thức thực hiện của bản thân và đặt tên cho sản phẩm.
		NgT 6.2. Lấy cảm hứng từ phong cách của họa sĩ, thợ thủ công để sáng tạo ra sản phẩm tạo hình theo cảm xúc và trí tưởng tượng của bản thân (ví dụ: nặn gốm, vẽ lại tranh dân gian, làm đồ chơi con rối, vẽ lên nón lá, trang trí lên quạt giấy...).
		NgT 6.3. Sử dụng sản phẩm nghệ thuật tạo hình để trang trí/làm đẹp môi trường xung quanh theo ý tưởng của bản thân.
	NgT 7. Sáng tạo trong hoạt động kịch	NgT 7.1. Tự lựa chọn trang phục, dụng cụ và phương tiện để thể hiện vai diễn theo ý tưởng riêng của trẻ.
		NgT 7.2. Thay đổi về lời thoại, trang phục, đạo cụ... để thể hiện vai diễn theo ý tưởng riêng của trẻ.
	NgT 7.3. Độc lập hoặc phối hợp với bạn “sáng tác” ra “câu chuyện” để diễn xuất theo tưởng tượng của trẻ.	

C. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Nội dung giáo dục

1.1. Thể chất

Nội dung giáo dục thể chất được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt trong lĩnh vực giáo dục thể chất độ tuổi mẫu giáo và khả năng của trẻ, giúp trẻ đạt được các năng lực phù hợp với lứa tuổi. Nội dung giáo dục thể chất gồm các kiến thức, kỹ năng, thái độ và cảm xúc tích cực trong hoạt động thể chất. Tập trung vào các nội dung sau:

- Các vận động thô và vận động tinh: Các vận động di chuyển, vận động tại chỗ, giữ thăng bằng, vận động có sử dụng dụng cụ/đồ vật; vận động các cơ nhỏ bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong thực hiện các vận động.
- Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và an toàn: Tự phục vụ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, tình trạng sức khỏe và phòng bệnh, giữ an toàn cho cá nhân và người xung quanh.
- Dinh dưỡng hợp lý: Các loại thực phẩm, nhóm chất dinh dưỡng, thực hành hành vi ăn uống hợp lý.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng thể chất vào các hoạt động trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

1.2. Tình cảm – xã hội

Giáo dục tình cảm – xã hội cho trẻ mẫu giáo tập trung vào việc phát triển ba nhóm năng lực cốt lõi: (1) Nhận thức và quản lý bản thân, (2) Nhận thức và quan hệ xã hội và (3) Trách nhiệm với con người và môi trường sống.

- *Nhận thức và quản lý bản thân*: Học cách nhận diện các đặc điểm cá nhân như tên, giới tính, sở thích; thể hiện quan điểm cá nhân; nhận biết và gọi tên các cảm xúc cơ bản; cách điều chỉnh cảm xúc và hành vi phù hợp với hoàn cảnh và môi trường. Cách bộc lộ sở thích, quan điểm cá nhân, sự tự tin và thể hiện bản thân trong các hoạt động hằng ngày phù hợp.

– *Nhận thức và quan hệ xã hội:* Phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội như chào hỏi, lắng nghe, phản hồi bất chuyên và duy trì cuộc thoại phù hợp với bạn bè và người lớn; các hoạt động chia sẻ, làm việc nhóm; trao đổi ý tưởng và giải quyết các mâu thuẫn đơn giản bằng các cách tích cực, không sử dụng bạo lực; thể hiện và thực hành hành vi đồng cảm, an ủi, chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ người khác; ứng xử phù hợp với cảm xúc và nhu cầu của người xung quanh;

– *Trách nhiệm với con người và môi trường sống:* Học cách nhận biết quyền, bổn phận của bản thân và tôn trọng quyền của người khác, tôn trọng sự khác biệt của mỗi người về ngoại hình, hoàn cảnh, khả năng, hoàn cảnh sống. Các quy tắc ứng xử văn minh trong gia đình, trường lớp, nơi công cộng. Phân biệt hành vi đúng – sai, tốt – xấu. Thực hành nề nếp văn minh: xếp hàng, chờ đến lượt, tôn trọng quy định chung. Các hoạt động thực tiễn về bảo vệ môi trường: chăm sóc cây xanh, con vật, tiết kiệm điện, nước, giữ gìn vệ sinh và thể hiện tình yêu thiên nhiên.

1.3. Ngôn ngữ

Nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt của lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ cuối tuổi mẫu giáo và khả năng của trẻ để giúp trẻ có thể đạt được các năng lực phù hợp với lứa tuổi và bản thân mỗi trẻ.

Nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo tập trung vào các vấn đề sau:

– *Nghe:* Nghe và phân biệt các loại âm thanh, âm thanh ngôn ngữ; nghe các giọng nói biểu cảm, ngữ điệu thể hiện các sắc thái tình cảm khác nhau; nghe nhạc, thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện... phù hợp với lứa tuổi và văn hoá; nghe và cách phản hồi phù hợp trong hội thoại nhóm nhỏ cách thể hiện thái độ chú ý và tôn trọng người nói...

– *Nói:* Cách phát âm đúng; cách đặt và trả lời câu hỏi; cách diễn đạt nhu cầu, cảm xúc bằng lời nói kết hợp cử chỉ, điệu bộ; nói hội thoại, nói độc lập; mở rộng vốn từ, cấu trúc câu; phát triển lời nói mạch lạc; cách sử dụng các từ ngữ nghi thức phù hợp với tình huống giao tiếp và văn hoá; kể chuyện, kể lại chuyện, kể chuyện sáng tạo, đọc thơ, mô tả sự vật, hiện tượng; cách thể hiện ngôn ngữ biểu cảm khi tham gia các hoạt động ngôn ngữ sáng tạo như đóng vai, diễn kịch...

– Chuẩn bị cho học đọc, học viết:

Làm quen với sách, cách đọc sách, hành vi đọc: Chọn sách, giữ gìn sách; cầm sách và các ấn phẩm đúng chiều; giở sách từ trang đầu đến trang cuối; đọc từ trên xuống dưới, từ trái sang phải; theo dõi nội dung sách theo chiều từ trên xuống dưới, từ trái sang phải; phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách; đọc những từ quen thuộc và thông dụng theo trí nhớ... Nhận biết chữ và ký hiệu: nhận biết chữ cái, biểu tượng, kí hiệu quen thuộc, âm đầu, vần đơn giản. Nhận biết mối quan hệ giữa chữ viết, hình ảnh và âm thanh.

Phát triển kỹ năng vận động tinh như cầm bút đúng; phối hợp tay – mắt khi vẽ, viết; cách tạo ra các nét cơ bản bằng bút hoặc sáp màu; sao chép các mẫu chữ; cách viết từ trên xuống dưới, từ trái sang phải của trang giấy; thể hiện ý tưởng qua nhiều hình thức như vẽ, ký hiệu, chữ viết hoặc công cụ số; tư thế cầm bút, tư thế ngồi viết tiêu chuẩn...

1.4. Nhận thức

Nội dung giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt của lĩnh vực, đặc điểm nhận thức của trẻ, mục tiêu giáo dục và bối cảnh thực tiễn tại địa phương, nhằm mở rộng hiểu biết, bồi dưỡng hứng thú nhận thức và hình thành một số kỹ năng nhận thức nền tảng. Cụ thể gồm:

– Khám phá khoa học và công nghệ:

Kiến thức về con người, sự vật, hiện tượng quen thuộc trong thế giới xung quanh: Tên gọi, đặc điểm nổi bật: màu sắc, hình dạng, kích thước...; cấu tạo đơn giản, ích lợi; sự thay đổi và mối quan hệ của cây cối, con vật, thế giới vô sinh và các hiện tượng tự nhiên quen thuộc. Các quá trình tạo ra sản phẩm; sự biến đổi và quy trình công nghệ đơn giản; một số nghề nghiệp; thiết bị, sản phẩm công nghệ truyền thống, công nghệ số phù hợp và cách giữ an toàn đối với trẻ; phương tiện giao thông và các quy định cơ bản khi tham gia giao thông; cách thu thập, sắp xếp, thể hiện thông tin và các mối quan hệ giữa các đối tượng.

Cách quan sát, so sánh, phân loại, mô tả, giải thích đặc điểm, nguyên nhân – kết quả, sự thay đổi và mối quan hệ của sự vật, hiện tượng; một số thí nghiệm khoa học đơn giản; cách giữ an toàn, bảo vệ bản thân, con người, cây cối, con vật và môi trường sống trong quá trình khám phá.

– Toán:

Kiến thức về tập hợp, số lượng, số thứ tự, chữ số trong phạm vi 10 và theo khả năng của trẻ; các mối quan hệ về số lượng, kích thước của 2 – 3 đối tượng; phần – toàn thể; tên gọi và đặc điểm cơ bản của một số hình phẳng: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật... và hình khối: cầu, trụ, chữ nhật, lập phương; vị trí của vật trong không gian khi lấy bản thân, người khác hoặc vật khác làm chuẩn; đo lường độ dài, dung tích đơn giản; cách định hướng thời gian: ngày trong tuần, giờ đúng trên đồng hồ.

Cách thực hiện, rèn luyện và vận dụng một số kỹ năng: Đếm, thêm, bớt, tách, gộp, ghép tương ứng 1 – 1, so sánh, phân loại, sắp xếp theo quy tắc; cách đo độ dài, dung tích của 2 – 3 đối tượng bằng các dụng cụ khác nhau; cách xác định vị trí trong không gian và thời gian; cách phát hiện và mô tả quy tắc, mẫu lặp trong đời sống hằng ngày.

1.5. Nghệ thuật

Nội dung giáo dục nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt, đặc điểm phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của địa phương; đồng thời được phát triển theo hướng kế thừa và mở rộng từ lứa tuổi nhà trẻ. Nội dung giáo dục chú trọng tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm nghệ thuật phong phú, mở rộng hiểu biết và kỹ năng, qua đó nâng cao dần khả năng cảm thụ, biểu đạt và sáng tạo nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi. Ba nhóm nội dung gồm:

– Cảm thụ nghệ thuật: Tận hưởng vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, nghệ thuật với đa dạng thể loại, tác phẩm nghệ thuật dân gian, truyền thống, hiện đại của Việt Nam và một số quốc gia khác.

– Hiểu biết, kỹ năng hoạt động nghệ thuật (âm nhạc và vận động theo nhạc; tạo hình; kịch)

+ *Âm nhạc*: Nghe và thưởng thức đa dạng tác phẩm âm nhạc; làm quen với các yếu tố âm nhạc cơ bản (cao độ, trường độ, cường độ, âm sắc, nhịp điệu, giai điệu); hát và vận động theo giai điệu, bài hát truyền thống và hiện đại; chơi trò chơi và biểu diễn âm nhạc; sử dụng đồ dùng, dụng cụ tạo ra âm thanh có tính nhạc phù hợp với trẻ mẫu giáo.

+ *Tạo hình*: Đa dạng các trải nghiệm nghệ thuật tạo hình của trẻ như vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình, đan tết, ứng dụng công nghệ trong hoạt động tạo hình theo cách tôn trọng tính độc đáo của mỗi trẻ.

+ *Kịch*: Lựa chọn và thay đổi trang phục, đạo cụ và phương tiện để thể hiện vai diễn theo ý tưởng riêng của mình; “sáng tác” và diễn xuất những “câu chuyện” do chính mình tạo ra.

– Sáng tạo và ứng dụng nghệ thuật trong cuộc sống

+ *Âm nhạc*: Tạo lời mới cho bài hát quen thuộc hoặc hát ngẫu hứng theo ý tưởng riêng; nhảy, múa, vận động ngẫu hứng và diễn đạt được ý tưởng của bản thân; đồng thời khám phá và tạo ra âm thanh có tính nhạc theo nhiều cách khác nhau.

+ *Tạo hình*: Tạo ra sản phẩm mới mẻ, độc đáo về ý tưởng và cách thức thực hiện; đặt tên, giới thiệu để người khác hiểu về sản phẩm; bắt chước phong cách của nghệ nhân, họa sĩ và sáng tạo theo cảm xúc, trí tưởng tượng của bản thân; đồng thời sử dụng sản phẩm nghệ thuật để trang trí, làm đẹp môi trường xung quanh theo ý tưởng riêng.

+ *Kịch*: Tự lựa chọn trang phục, dụng cụ, phương tiện để thể hiện vai diễn; thay đổi lời thoại, trang phục, đạo cụ theo ý tưởng riêng; và độc lập hoặc cùng bạn sáng tác, xây dựng câu chuyện để biểu diễn.

2. Phương pháp giáo dục

– Sử dụng phương pháp giáo dục qua chơi, qua trải nghiệm, kết hợp với giáo dục đáp ứng, tạo cơ hội cho trẻ em tích cực và chủ động tìm tòi, khám phá, thử nghiệm các sáng kiến trong hoạt động và giao tiếp nhằm giúp trẻ phát triển các năng lực và các phẩm chất. Đồng thời, sử dụng phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ nhằm hình thành thái độ tích cực, sự tự tin và khơi dậy hứng thú học tập của trẻ em.

– Đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: chú trọng phương pháp hỗ trợ cá nhân phù hợp.

– Đối với trẻ em trong giai đoạn chuyển tiếp, đặc biệt trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp một: chú trọng phương pháp trải nghiệm trực tiếp và mô phỏng nhằm chuẩn bị tâm thế sẵn sàng vào lớp một.

3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục

– Đa dạng hình thức tổ chức hoạt động giáo dục để trẻ em thực sự là chủ thể của hoạt động và giao tiếp, trẻ em được học bằng nhiều cách khác nhau trong các bối cảnh khác nhau, phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ em.

– Linh hoạt trong thiết kế, điều chỉnh và tổ chức các hoạt động giáo dục: cân đối giữa hoạt động giáo dục được chuẩn bị trước theo kế hoạch của giáo viên với hoạt động theo ý thích của trẻ và hoạt động phát sinh; kết hợp giữa hoạt động tổ chức trong lớp với hoạt động ngoài lớp, giữa hoạt động theo nhóm lớn, chung cả lớp kết hợp với nhóm nhỏ và hỗ trợ cá nhân; hài hoà giữa “động” và “tĩnh” trong tổ chức hoạt động nhằm hỗ trợ từng trẻ tiến bộ và đạt được yêu cầu cần đạt.

– Chú trọng thay đổi hình thức tổ chức các nhóm hoạt động để mỗi trẻ đều có cơ hội khởi xướng, thực hiện và điều chỉnh, hoạt động nhóm, qua đó phát huy khả năng của bản thân trong mối quan hệ tôn trọng và hợp tác với người khác.

– Mở rộng cơ hội cho trẻ được tham gia vào các nhóm xã hội ngày càng rộng hơn ở trong và ngoài trường, lớp. Tạo ra một môi trường hài hoà, trong đó trẻ em học cách tôn trọng và chấp nhận trẻ em có nhu cầu đặc biệt.

– Quan tâm các hình thức tổ chức giáo dục hài hoà với tự nhiên: tổ chức trong môi trường tự nhiên; coi tự nhiên như là bối cảnh của giáo dục trẻ.

– Đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: chú trọng hình thức hỗ trợ cá nhân và nhóm nhỏ phù hợp.

D. MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Môi trường vật chất

1.1. Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm

– Diện tích của phòng, nhóm khu vực dành cho hoạt động ăn, ngủ, chơi tập, vệ sinh đáp ứng quy định hiện hành.

– Các khu vực hoạt động được thiết kế và bố trí bảo đảm an toàn, thân thiện, thuận tiện cho tất cả các trẻ tiếp cận, sử dụng đúng mục đích.

– Môi trường giáo dục bảo đảm an toàn, thân thiện, giáo viên là người thiết kế môi trường để trẻ học bằng chơi, đảm bảo sự

tham gia tích cực của tất cả các trẻ. Sắp xếp không gian môi trường trong và ngoài lớp học có nghĩa; gắn với kế hoạch giáo dục hằng ngày; theo nguyên tắc học tích hợp, tích cực, tương tác và sử dụng chơi như là phương tiện để trẻ học.

– Các góc hoạt động để trẻ trải nghiệm, thử nghiệm, sáng tạo, học kỹ năng giải quyết vấn đề, bảo đảm:

+ Đa dạng về số lượng, đồ chơi, học liệu ở các góc chơi/khu vực hoạt động để tất cả các trẻ trong nhóm, lớp được trải nghiệm toàn diện các hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau; phát huy được năng lực cá nhân.

+ Phù hợp với chủ đề/ sự kiện/ kế hoạch tháng/tuần/ngày.

+ Thông điệp ở các góc hấp dẫn, phù hợp với độ tuổi, mời gọi trẻ tham gia một cách hứng khởi và tự nhiên.

+ Bố trí đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đủ với số lượng trẻ trong nhóm, lớp, không phân biệt tôn giáo, văn hoá và giới tính thuận tiện tiếp cận sử dụng đối với tất cả các trẻ; có đồ dùng, đồ chơi đặc thù cho trẻ khuyết tật học hoà nhập. Đồ dùng, đồ chơi có tính mở bảo đảm trẻ có thể phát triển được ý tưởng chơi, mở rộng tư duy tích cực, kỹ năng ngôn ngữ và hình thành năng lực sáng tạo. Ưu tiên sử dụng đồ chơi, vật liệu có nguồn gốc từ thiên nhiên và tăng cường sử dụng vật liệu tái chế; hạn chế tối đa sử dụng sản phẩm nhựa dùng 01 lần trong thiết kế và tổ chức các góc hoạt động dành cho trẻ.

+ Sản phẩm của hoạt động chơi, tác phẩm sáng tạo cần được trưng bày để trẻ cảm thấy tự hào, thân thuộc và chuyển tải thông điệp về sự tôn trọng trẻ, đánh giá cao nỗ lực của trẻ trong các hoạt động.

– Giáo viên quan sát trẻ trong quá trình hoạt động, tương tác với môi trường để có những điều chỉnh môi trường phù hợp cho các hoạt động tiếp theo.

1.2. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

– Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi mẫu giáo và sắp xếp ở khu vực phù hợp, đảm bảo tính liên hoàn trong các hoạt động. Có đủ đồ chơi ngoài trời cho tất cả các trẻ. Những thiết bị, đồ chơi không dành cho trẻ ở độ tuổi mẫu giáo phải đặt ở khu vực riêng và có kí hiệu nhận biết.

– Có không gian cây xanh, khu vực nuôi các con vật trong cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm phù hợp, an toàn cho trẻ.

2. Môi trường tâm lý – xã hội

– Xây dựng môi trường giáo dục ấm áp, hấp dẫn, bảo đảm an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi cho việc hình thành và phát triển năng lực xã hội của trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên, người lớn trong cơ sở giáo dục mầm non đối với trẻ luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

– Tạo lập bầu không khí khích lệ và thúc đẩy trẻ sẵn sàng tham gia các hoạt động, trải nghiệm, khám phá bằng cách: đánh giá cao trẻ; khuyến khích – động viên; trò chuyện và khen ngợi kịp thời thành công của trẻ.

– Hành vi, cử chỉ, lời nói giữa các thành viên trong cơ sở giáo dục và với trẻ bảo đảm tôn trọng lẫn nhau; không phân biệt đối xử về điều kiện kinh tế, tôn giáo, văn hoá và giới tính.

– Tất cả trẻ em đều được chào đón, được tham gia và có cơ hội như nhau trong tất cả các hoạt động hằng ngày tại cơ sở giáo dục mầm non.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM MẪU GIÁO

Đánh giá trẻ em mẫu giáo theo hai hình thức: đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

1. Đánh giá quá trình

1.1. Mục tiêu

Theo dõi, ghi nhận sự tiến bộ, phát hiện nhu cầu, rào cản trong các hoạt động học tập, vui chơi và sinh hoạt hằng ngày nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch, môi trường chăm sóc, giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển toàn diện của trẻ theo mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non.

1.2. Nội dung

Các biểu hiện của trẻ em về trạng thái sức khỏe (thể chất, tinh thần), sự tham gia, hành vi và mức độ đạt được mục tiêu giáo dục.

1.3. Nguyên tắc chung

- Đảm bảo tính thường xuyên, liên tục và diễn ra tự nhiên trong các hoạt động hằng ngày.
- Không gây áp lực cho trẻ và phục vụ điều chỉnh kế hoạch, hoạt động giáo dục.

1.4. Phương pháp

Sử dụng phương pháp quan sát kết hợp giao tiếp, trò chuyện, tương tác trực tiếp với trẻ; sử dụng các tình huống thực tế, giao nhiệm vụ; phân tích sản phẩm; trao đổi với cha, mẹ, người chăm sóc trẻ và đồng nghiệp.

1.5. Thời điểm

- Thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình trẻ tham gia các hoạt động học tập, vui chơi và sinh hoạt hằng ngày.
- Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, sự phát triển (đo chiều cao, cân nặng) bằng biểu đồ tăng trưởng 03 tháng 01 lần.

2. Đánh giá định kì

2.1. Mục tiêu

Xác định mức độ phát triển và mức độ đạt được yêu cầu cần đạt ở các lĩnh vực giáo dục theo từng giai đoạn, làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục giai đoạn tiếp theo và tăng cường phối hợp với gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2. Nội dung

Đánh giá mức độ đạt được yêu cầu cần đạt trong các lĩnh vực giáo dục. Đánh giá mức độ phát triển thể chất sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao theo độ tuổi.

2.3. Nguyên tắc chung

- Đảm bảo tính khách quan, toàn diện, công bằng vì sự tiến bộ của trẻ.
- Không gây áp lực, không phân loại, so sánh trẻ.

2.4. Phương pháp

- Sử dụng các phương pháp đánh giá quá trình, kết hợp thảo luận chuyên môn với đồng nghiệp.
- Sử dụng biểu đồ tăng trưởng.
- Đối với giáo dục trẻ em mẫu giáo, cần tạo cơ hội cho trẻ em tự đánh giá, kết hợp đánh giá của giáo viên và đánh giá của cha, mẹ hoặc người chăm sóc về sự phát triển của trẻ. Huy động sự tham gia của cha, mẹ hoặc người chăm sóc vào đánh giá sự phát triển của trẻ em cuối năm học, cuối độ tuổi mẫu giáo.
- Đối với trẻ em học hoà nhập, giáo viên nhận diện một số biểu hiện khác biệt hay sự thay đổi ở trẻ em, trao đổi với cha, mẹ, người chăm sóc để có những biện pháp can thiệp giáo dục kịp thời.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá định kì đối với trẻ mẫu giáo được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm học dựa vào mục tiêu giáo dục của lớp, cá nhân và tổng hợp kết quả đánh giá quá trình.
- Đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi, đánh giá cuối năm học dựa vào yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi mẫu giáo.
- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng: Đo chiều cao, cân nặng, theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng 03 tháng 01 lần.

3. Sử dụng kết quả đánh giá

Kết quả đánh giá trẻ mẫu giáo được sử dụng để điều chỉnh kế hoạch, hoạt động giáo dục, xây dựng biện pháp hỗ trợ phù hợp, theo dõi sự tiến bộ của trẻ, phối hợp với gia đình và nâng cao chất lượng giáo dục của lớp, nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ.

Việc sử dụng kết quả đánh giá phải đảm bảo tính bảo mật thông tin cá nhân của trẻ.

G. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần năm ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc,

giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt phù hợp với sự phát triển của trẻ em mẫu giáo và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt của trẻ trong ngày

Trẻ em từ 3 đến 6 tuổi được tổ chức thành các lớp mẫu giáo theo quy định, thực hiện các hoạt động phù hợp với nhu cầu và đặc điểm phát triển của trẻ em mẫu giáo. Đảm bảo hài hoà giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục, thực hiện đủ, linh hoạt các hoạt động trong ngày của trẻ như sau:

- Hoạt động đầu ngày: đón trẻ, chơi, thể dục sáng, trò chuyện;
- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh;
- Hoạt động chơi: góc, ngoài trời, tự do;
- Hoạt động học;
- Hoạt động cuối ngày: trò chuyện, chơi, trả trẻ.

2.1. Nuôi dưỡng

- Yêu cầu về chế độ ăn:
- + Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị

Nhu cầu khuyến nghị năng lượng Kcal/ngày	
Cả ngày	Tại cơ sở giáo dục mầm non (đạt 50 – 55% nhu cầu năng lượng cả ngày)
1.230 – 1.320 Kcal	638 – 701 Kcal

+ Số bữa ăn: 1 bữa chính, 01 bữa phụ

Năng lượng phân phối cho các bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non:

- Bữa chính cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày.
- Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Bữa ăn đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng (Gluxit, Protein, Vitamin và khoáng chất; Lipit);

Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

- Chất đạm (Protit) cung cấp 13% – 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp 25% – 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp 52% – 60% năng lượng khẩu phần.

– Cho trẻ uống đủ nước theo nhu cầu khuyến nghị: Nhu cầu nước uống của trẻ tùy thuộc vào cân nặng, chế độ ăn và thời tiết. Khuyến nghị về nhu cầu nước uống của trẻ (ngoài thức ăn và sữa): từ 1000 – 1200 ml/ngày.

– Bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến thức ăn theo quy định.

– Bảo đảm đa dạng thực phẩm theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế thế giới.

– Xây dựng thực đơn hàng tuần.

– Ưu tiên lựa chọn thực phẩm theo mùa tại địa phương.

2.2. Chăm sóc

2.2.1. Chăm sóc giấc ngủ

– Mỗi trẻ có chỗ ngủ yên tĩnh, sạch sẽ, an toàn.

– Trẻ được ngủ sâu giấc, đủ giấc theo khuyến nghị: 01 giấc buổi trưa, thời gian 110 – 120 phút.

2.2.2. Chăm sóc sức khỏe

– Tổ chức vệ sinh cá nhân hằng ngày cho trẻ.

– Tổ chức vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, phòng/nhóm lớp, vệ sinh môi trường theo quy định.

– Tổ chức chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn; sơ cấp cứu ban đầu khi xảy ra tai nạn.

- Phát hiện sớm các rối loạn phát triển về tâm thần, vận động của trẻ để tư vấn cho cha mẹ kịp thời.

2.3. Bảo đảm an toàn

- Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ trong thời gian tại cơ sở giáo dục mầm non.
- Quản lý trẻ chặt chẽ mọi lúc, mọi nơi, mọi hoạt động hằng ngày tại cơ sở giáo dục mầm non.
- Thực hiện nghiêm túc quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.
- Thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ trong trường học.
- Duy trì liên lạc thường xuyên và phối hợp với cha, mẹ, người chăm sóc trẻ để bảo đảm an toàn cho trẻ em.

2.4. Hoạt động giáo dục

2.4.1. Hoạt động chơi

- Tạo môi trường chơi phong phú, an toàn, mở, thân thiện và kích thích sự sáng tạo.
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu chơi phù hợp.
- Thường xuyên đổi mới nội dung, trò chơi và luân chuyển đồ chơi giữa các góc chơi.
- Khuyến khích trẻ lựa chọn trò chơi theo ý thích, phát huy tính tích cực và kỹ năng hợp tác.
- Quan sát, hỗ trợ và đánh giá quá trình chơi của trẻ để kịp thời điều chỉnh nội dung và môi trường chơi phù hợp

2.4.2. Hoạt động học

- Bảo đảm phù hợp với sự phát triển theo độ tuổi, khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ.
- Xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời lượng hoạt động của từng lĩnh vực giáo dục trong Chương trình.
- Chuẩn bị đầy đủ học liệu, đồ dùng, môi trường học tập nhằm kích lệ trẻ tham gia tích cực.
- Tổ chức hoạt động theo đúng thời lượng quy định: Tổ chức mỗi ngày 1 – 2 hoạt động học có chủ đích. Thời lượng mỗi

hoạt động học tối thiểu từ 25 – 30 phút, tùy theo độ tuổi và hứng thú của trẻ.

2.4.3. Hoạt động lao động

- Phù hợp với độ tuổi, khả năng, sức khoẻ và sự hứng thú của trẻ.
- Nội dung lao động đơn giản tự phục vụ, gắn liền với cuộc sống hàng ngày của trẻ. Tạo điều kiện để trẻ tham gia vào các công việc vừa sức như: cất dọn đồ chơi, lau bàn ghế, tưới cây, nhặt lá, sắp xếp đồ, đồ chơi...
- Thời gian thực hiện linh hoạt, từ 10 – 30 phút/lần, tối thiểu 1 – 2 lần/tuần, tùy theo lứa tuổi.

PHẦN BỐN

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Cán bộ quản lý: Bảo đảm định mức, số lượng người làm việc theo định mức vị trí việc làm; được đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng và được xếp loại đạt trở lên; được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác quản lý và Chương trình giáo dục mầm non.

Giáo viên: Bảo đảm định mức, số lượng người làm việc theo định mức vị trí việc làm, có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định; được xếp loại đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn, quyền của trẻ em theo Chương trình giáo dục mầm non và quy định hiện hành.

Nhân viên: Bảo đảm định mức, số lượng người làm việc, trình độ chuyên môn theo định mức vị trí việc làm; được bồi dưỡng về nội dung Chương trình giáo dục mầm non có liên quan đến nhiệm vụ của mỗi vị trí trong nhà trường và các khóa bồi dưỡng khác.

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non được bảo đảm các chế độ chính sách chung và chính sách đặc thù, các quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC

Địa điểm, diện tích, quy mô, cơ sở vật chất cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm theo quy định hiện hành.

Đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học bảo đảm số lượng, tiêu chuẩn và được lựa chọn, sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo quy định hiện hành.

Cơ sở giáo dục mầm non bổ sung và đề xuất trang bị đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học phù hợp với yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường và điều kiện thực tiễn của địa phương; bổ sung, đề xuất trang bị các điều kiện bảo đảm đáp ứng yêu cầu đối với giáo dục hoà nhập.

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Quán triệt quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cơ sở giáo dục mầm non trong thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Cơ sở giáo dục mầm non chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức ở địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; gia đình và cộng đồng có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non để thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt cho trẻ, bảo đảm chế độ làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

Nhà trường có sứ mệnh bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường mầm non, Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

PHẦN NĂM

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH

Trên cơ sở Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các cơ sở giáo dục mầm non được lựa chọn nội dung, quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm chất lượng để phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ em, điều kiện thực tiễn của nhà trường, văn hoá của địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện trẻ em.

Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, các cơ sở giáo dục mầm non có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non.

Trên cơ sở chương trình giáo dục nhà trường, giáo viên chủ động xây dựng, thực hiện, điều chỉnh kế hoạch giáo dục của lớp phù hợp khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn của lớp giúp trẻ đạt được yêu cầu cần đạt.

Trong quá trình thực hiện chương trình và phát triển chương trình, cơ sở giáo dục mầm non tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và cha mẹ trẻ tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo quy định.

II. TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT TRONG NGÀY CHO TRẺ

Tổ chức thực hiện đầy đủ, linh hoạt và bảo đảm theo yêu cầu thời gian tối thiểu các hoạt động trong chế độ sinh hoạt, phù hợp với đặc điểm phát triển của lứa tuổi, điều kiện của cha mẹ trẻ và thực tiễn của địa phương.

Cơ sở giáo dục mầm non chủ động lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục nhà trường.

1. Trẻ nhà trẻ

– Tổ chức hoạt động đầu ngày (đón trẻ, thể dục sáng, trò chuyện...) tạo cảm xúc vui vẻ, hào hứng cho ngày mới của trẻ. Cho trẻ tiếp xúc toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, nhất là đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi. Cho trẻ thể dục sáng, hoạt động ở ngoài trời để trẻ được tiếp xúc với ánh nắng, không khí trong lành.

– Tổ chức các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh theo khuyến nghị, phù hợp nhu cầu của trẻ nhằm duy trì, rèn luyện một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt, tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

– Tổ chức hoạt động chơi, học đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi và sự tương tác với môi trường. Kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên, chú trọng các hoạt động phối hợp giác quan: sờ, nhìn, nghe, ngửi, nếm và nói nhằm phát triển thể chất, tình cảm - xã hội, ngôn ngữ, nhận thức và những yếu tố ban đầu về nghệ thuật. Tăng cường cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên giúp trẻ tăng cường sức khoẻ, thích nghi với môi trường thiên nhiên, phát triển giác quan và nhận thức.

– Hoạt động cuối ngày (trò chuyện, trả trẻ...) giáo viên trao đổi với cha mẹ, gia đình trẻ về thông tin trong ngày của trẻ, hoạt động của nhóm, lớp cần sự phối hợp của gia đình.

2. Trẻ mẫu giáo

– Tổ chức các hoạt động đầu ngày (đón trẻ, thể dục sáng, trò chuyện...) giúp trẻ có cảm giác gắn bó, thân thuộc với bạn, với cô, với lớp; áp dụng các quy tắc ứng xử, rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Tổ chức giờ thể dục sáng để chuẩn bị năng lượng cho ngày mới của trẻ. Trò chuyện để hiểu tình cảm, nhu cầu của trẻ nhằm theo dõi trẻ và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của giáo viên.

– Tổ chức hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh, lao động tự phục vụ theo khuyến nghị, đáp ứng nhu cầu của trẻ, đồng thời hỗ trợ sự phát triển toàn diện của trẻ, trong đó tập trung rèn luyện một số nề nếp, thói quen và kỹ năng tự phục vụ và chăm sóc môi trường trong sinh hoạt, tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ, giáo dục khả năng tự lập, có ý thức bảo vệ, chăm sóc môi trường.

– Tổ chức hoạt động chơi giúp trẻ thỏa mãn nhu cầu chơi theo các độ tuổi. Cho trẻ tham gia tổ chức, đưa ra sự lựa chọn và

quyết định của bản thân, được biểu lộ các cảm xúc cá nhân. Quá trình tổ chức chơi cần khuyến khích trẻ chủ động, sáng tạo; cần đổi tổ chức hoạt động chơi cho trẻ theo các hình thức tổ chức; tăng cường các hoạt động chơi theo nhu cầu của trẻ.

– Tổ chức hoạt động học mang tính tích hợp để trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và nghệ thuật. Hoạt động học được tổ chức linh hoạt với các phương pháp, hình thức hoạt động đa dạng phù hợp với nhu cầu, sở thích của trẻ; xuất phát từ khả năng, hứng thú và mối quan tâm của trẻ đến đối tượng.

– Hoạt động cuối ngày (trò chuyện, trả trẻ...) giáo viên trao đổi với cha mẹ, gia đình trẻ về thông tin trong ngày của trẻ cũng như một số hoạt động của nhóm, lớp cần có sự phối hợp của gia đình.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁO DỤC HOÀ NHẬP

Cơ sở giáo dục mầm non thực hiện giáo dục hoà nhập, đảm bảo quyền tham gia, tôn trọng sự đa dạng và không phân biệt đối xử nhằm đáp ứng nhu cầu, khả năng, hoàn cảnh khác nhau của trẻ. Trong quá trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ chú trọng hoàn cảnh, đặc điểm phát triển tâm sinh lý, phát hiện sớm những dấu hiệu khác biệt của trẻ để hỗ trợ, can thiệp giáo dục phù hợp.

Đối với trẻ khuyết tật học hoà nhập và học tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, cơ sở giáo dục kết hợp với gia đình và tổ chức có liên quan lập kế hoạch giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật học hoà nhập; tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của người khuyết tật, đảm bảo mục tiêu giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật.

IV. TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Cơ sở giáo dục mầm non triển khai tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ, giúp trẻ chuẩn bị năng lực ngôn ngữ tiếng Việt để sẵn sàng vào học lớp một.

Thực hiện tăng cường thời lượng nghe, nói tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; lựa chọn nội dung giáo dục gần gũi, giàu tính địa phương; phát huy và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em người dân tộc thiểu số.

V. TỔ CHỨC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho trẻ.
- Cơ sở giáo dục mầm non phối hợp với ngành y tế địa phương tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, chăm sóc sức khỏe ban đầu, công tác tiêm chủng và bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em theo quy định.
- Thực hiện việc kiểm tra thông tin về tình trạng tiêm chủng của trẻ em khi nhập học; tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ thực hiện tiêm chủng đối với các trường hợp chưa tiêm chủng đầy đủ theo quy định.
- Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh theo quy định.

VI. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG

Cơ sở giáo dục mầm non chủ động đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường để điều chỉnh kế hoạch giáo dục và phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

Giáo viên thường xuyên tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục nhà trường.

VII. PHỐI HỢP GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Gia đình được cơ sở giáo dục mầm non cung cấp thông tin về chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trường và hướng dẫn nâng cao kiến thức, kỹ năng chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em các độ tuổi; được tạo điều kiện tham gia và có trách nhiệm phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Các đoàn thể, tổ chức xã hội tại địa phương có trách nhiệm phối hợp theo kế hoạch của cơ sở giáo dục mầm non trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.